



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
114 Trường Chinh – Pleiku – Gia Lai
ĐT: 059.3823.604 Fax: 059.3826.365
Website: www.geccom.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI

Gia Lai, tháng 4 năm 2014



MỤC LỤC

PHẦN A: THÔNG TIN CHUNG	2
I. Thông tin khái quát	2
II. Quá trình hình thành và phát triển	2
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	3
V. Định hướng phát triển.....	9
VI. Các rủi ro	9
PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	11
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
II. Tổ chức và nhân sự	11
III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	14
IV. Tình hình tài chính	15
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	16
PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	18
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	18
II. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	21
PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	26
I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	26
II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	27
III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	27
PHẦN E: QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	29
I. Hội đồng quản trị	29
II. Ban Kiểm soát	30
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	32
PHẦN F: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
I. Ý kiến kiểm toán	34
II. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	35

PHẦN: THÔNG TIN CHUNG

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Điện Gia Lai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900181213 do Sở KH&ĐT Gia Lai cấp ngày 09/09/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 05/11/2013.
- Vốn điều lệ: 522.871.860.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai.
- Số điện thoại: 059.6554.604
- Số fax: 059.3826.365
- Website: www.geccom.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): GEC

II. Quá trình hình thành và phát triển

- 01/6/1989: Khánh thành NMTĐ Ia Đăng 2 - Thành lập Công ty thủy điện GL - KT
- 22/12/1992: Đổi tên thành Xí nghiệp thủy điện Ia Đăng 2
- 20/4/1994: Đổi tên thành Công ty thủy điện Gia Lai
- 01/5/1995: Khánh thành NMTĐ Ia Lốp
- 24/10/1995: Đổi tên thành Công ty điện Gia Lai
- 15/02/2000: Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Ba
- 01/5/2001: Khánh thành NMTĐ AYun Hạ
- 01/6/2003: Khánh thành NMTĐ Ia Đăng 1
- 01/6/2004: Đón nhận Huân chương Lao động Hạng hai
- 15/12/2005: Khánh thành NMTĐ Ia Đăng 3 và NMTĐ Ia Muer 3
- 02/9/2006: Khánh thành NMTĐ H'Chan
- 22/12/2007: Khánh thành NMTĐ Đăk Pihao 2
- 15/12/2008: Khánh thành NMTĐ Ia puch 3
- 21/12/2009: Đón nhận Huân chương Lao động Hạng Nhất
- 09/9/2010: Đổi tên thành CTCP Điện Gia Lai
- 12/01/2011: Khánh thành NMTĐ H'Mun
- 10/6/2012: Khởi công xây dựng NMTĐ Đăk Pihao 1
- 18/01/2013: Gia nhập thành viên Tập đoàn Thành Thành Công

III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh:

- **Năng lượng:** Đầu tư, khai thác, quản lý vận hành các nhà máy thủy điện, nhiệt điện, phân phối và kinh doanh bán lẻ điện năng.
- **Cơ điện:** Lắp đặt thiết bị cơ điện các nhà máy thủy điện, chế tạo, sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí và đường ống áp lực, cầu trục, cổng trục, mạ kẽm nhúng nóng...
- **Xây dựng và xây lắp điện:** Xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, giao thông, xây lắp và quản lý đường dây trạm biến áp đến 110 KV, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng.
- **Dịch vụ tư vấn, dịch vụ kỹ thuật:** Tư vấn, thiết kế và giám sát thi công xây dựng các hạng mục công trình thủy điện, nhiệt điện, đường dây và trạm biến áp, tư vấn dịch vụ

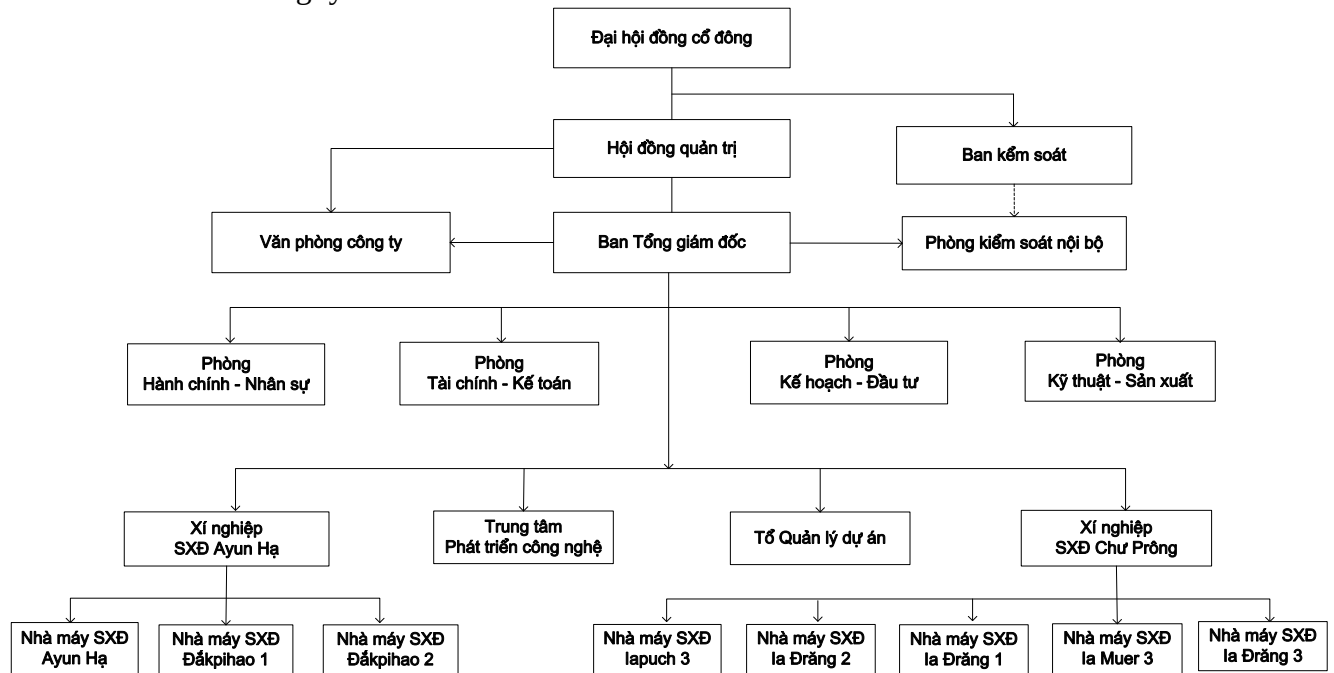
kỹ thuật và thiết bị điện; quản lý vận hành thuê các nhà máy điện; phát triển công nghệ điện.

- **Đầu tư tài chính dài hạn:** Góp vốn đầu tư dài hạn vào các doanh nghiệp trong lĩnh vực năng lượng và các ngành khác theo chiến lược phát triển của Công ty.

2. Địa bàn kinh doanh: Gia Lai, Kon Tum, Thừa Thiên Huế, Lâm Đồng.

IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

1. Sơ đồ tổ chức Công ty.



2. Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

Tính đến ngày 31/12/2013, GEC đầu tư góp vốn vào 12 công ty con, công ty liên kết và đầu tư tài chính khác với tổng vốn đầu tư 818,014 tỷ đồng, trong đó tỷ lệ góp vốn đầu tư như sau:

Stt	Danh mục	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Đầu tư vào Công ty con		
1	Công ty Cổ phần đầu tư điện Tây Nguyên	246,57	65,11%
2	Công ty Cổ phần thủy điện Gia Lai	100	53,49%
3	Công ty TNHH MTV XD bê tông ly tâm GL	10	100,00%
4	Công ty Cổ phần Ayun Thượng	120	97,54%
5	Công ty Cổ phần Điện - Cao su Gia Lai	130	83,07%
6	Công ty TNHH GKC	50	60%
7	Công ty TNHH MTV TV & PTNL Gia Lai	1,5	100,00%
8	Công ty TNHH MTV cơ điện Diên Phú	3	100,00%
9	Công ty TNHH GKC ĐăkPsi	70	60%
II	Đầu tư vào Công ty liên kết, dài hạn, trái		

Stt	Danh mục	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
	phiếu và cho vay		
1	Công ty CP mía đường nhiệt điện Gia Lai	278,505	18,30%
2	Công ty Cổ phần thủy điện Trường Phú	90	39,64%
3	Công ty Cổ phần thủy điện Thượng Lộ	40	50%
III	Đầu tư ngắn hạn		
1	Công ty CP mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	1.485	6,00%
2	Công ty CP đường Biên Hòa	629,949	8,38%
3	Công ty CP đường Ninh Hòa	607,500	11,21%

1/ Công ty Cổ phần đầu tư điện Tây Nguyên

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất điện năng, kinh doanh bán điện;
- Kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35 KV trở xuống;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su ;
- Chế biến nông sản (trừ mủ cao su);
- Mua bán bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày ;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa.

2/ Công ty Cổ phần thủy điện Gia Lai

Địa chỉ: 28 Phạm Văn Đồng – TP Pleiku – Tỉnh Gia Lai.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Giám sát thi công xây dựng các công trình xây dựng dân dụng – công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng thủy lợi – thủy điện.

3/ Công ty TNHH MTV XD bê tông ly tâm GL

Địa chỉ: 28 Phạm Văn Đồng – TP Pleiku – Tỉnh Gia Lai.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao: Cột điện Bê tông ly tâm, Ống công bê tông ly tâm, sản phẩm trụ thủ công, móng néo...
- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Mua bán kim loại;
- Xây dựng nhà các loại;
- Phá dỡ;
- Mua bán đường thành phẩm;
- Mua bán máy móc thiết bị điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế, máy móc thiết bị phụ tùng máy khai khoáng;
- Mua bán phân bón;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình công ích: thủy lợi, đập, đê;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng: công trình thủy điện, công trình công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng: xây dựng nền móng của tòa nhà, bể bơi;
- Lắp đặt hệ thống điện: Thi công đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV, Thi công lắp đặt hệ thống điện công trình dân dụng công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh: mua bán nước tinh khiết đóng chai.

4/ Công ty Cổ phần Ayun Thượng

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

5/ Công ty Cổ phần Điện - Cao su Gia Lai

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

6/ Công ty TNHH GKC

Địa chỉ: 478 Đường Duy Tân – TP Kon Tum – Tỉnh Kon Tum.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cung ứng lao động tạm thời.

7/ Công ty TNHH MTV TV & PTNL Gia Lai

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai.

Ngành nghề kinh doanh:

- Tư vấn thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện;
- Tư vấn giám sát các công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, thủy điện;

- Tư vấn thiết kế cơ điện công trình;
- Tư vấn giám sát công trình lắp đặt thiết bị công trình điện;
- Tư vấn thiết kế hệ thống điện, đường dây và trạm biến áp 110 KV;
- Tư vấn lập quy hoạch, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cơ khí, đường dây và trạm biến áp 110 KV ;
- Tư vấn khảo sát địa hình;
- Tư vấn thiết kế công trình xây dựng cầu đường.

8/ Công ty TNHH MTV cơ điện Diên Phú

Địa chỉ: 28 Phạm Văn Đồng – TP Pleiku – Tỉnh Gia Lai.

Ngành nghề kinh doanh:

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

9/ Công ty TNHH GKC ĐắkPsi

Địa chỉ: 478 Đường Duy Tân – TP Kon Tum – Tỉnh Kon Tum.

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị.

10/ Công ty CP mía đường nhiệt điện Gia Lai

Địa chỉ: 561 Trần Hưng Đạo - Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su);
- Bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa và mủ cao su);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa;
- Gia công cơ khí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Khách sạn;
- Sản xuất phân bón;
- Sản xuất gạch tuynen;
- Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Sản xuất cồn thực phẩm;
- Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm;
- Chung, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh;
- Đầu tư tài chính.

11/ Công ty Cổ phần thủy điện Trường Phú

Địa chỉ: 189 Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị trang trí nội thất;
- Kinh doanh hàng vật tư nông nghiệp, hàng mộc mỹ nghệ, hàng lưu niệm
- Kinh doanh các sản phẩm từ kim loại trừ vàng, bạc;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt;

- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa.

12/ Công ty Cổ phần thủy điện Thượng Lộ

Địa chỉ: 111 Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.

V. Định hướng phát triển

- **Tầm nhìn:** Đến năm 2020, GEC trở thành một trong những Tổng Công ty trong lĩnh vực năng lượng sạch tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên, trong đó tập trung nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực đầu tư năng lượng tái tạo và các giải pháp tiết kiệm năng lượng.
- **Sứ mệnh:**
 - Sử dụng mọi nguồn lực hiệu quả, tối ưu hóa giá trị gia tăng cho cổ đông, khách hàng và đối tác.
 - Mang lại thịnh vượng và hạnh phúc cho người lao động trong Công ty, phát huy năng lực sáng tạo, khả năng cống hiến của nhân viên trong môi trường làm việc tối ưu.
 - Đóng góp tích cực cho địa phương, cộng đồng, xã hội, phát triển theo định hướng bảo vệ môi trường.
- **Giá trị cốt lõi:**
 - **Glory (Chiến thắng):** Cán bộ công nhân viên GEC phấn đấu chiến thắng tất cả các mục tiêu của Công ty trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, tập trung sức lực trí tuệ tâm huyết mang lại chiến thắng cho cổ đông, cho khách hàng, cho xã hội và cho chính người lao động.
 - **Effective (Hiệu quả):** Mọi hoạt động của từng nhân viên, từng phòng ban và toàn thể Công ty dựa trên tiêu chí hiệu quả làm nền tảng, làm kim chỉ nam cho mọi hành động.
 - **Corporate (Hợp tác):** Cá nhân hợp tác với cá nhân, phòng ban hợp tác với phòng ban, Công ty hợp tác với đối tác, hợp tác với khách hàng trên tinh thần đôi bên cùng thắng và tiêu chí hiệu quả làm nền tảng cho sự hợp tác này

VI. Các rủi ro:

1. Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Sản lượng điện: Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thủy điện do đó điều kiện thời tiết là yếu tố rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sản lượng và hiệu quả sản xuất của các nhà máy thủy điện phụ thuộc chủ yếu vào lượng mưa hằng năm và lưu lượng nước tại các nhà máy.

- Thị trường tiêu thụ: do tính chất độc quyền của ngành điện, hiện nay sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là EVN nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.
- Nhu cầu điện hiện nay: nhu cầu đối với nguồn cung điện với chi phí thấp (thủy điện) hiện nay ở Việt Nam còn rất lớn, nguồn cung vẫn chưa đáp ứng nhu trong nước nên sản toàn bộ lượng điện thương phẩm của Công ty đều được EVN tiêu thụ.
- Giá bán điện: các nhà máy hiện nay của Công ty khi bán cho EVN đều bán theo biểu phí tránh được nên yếu tố giá điện không ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động sản xuất của các nhà máy. Dự báo xu hướng giá điện sẽ tăng theo thời gian do nguồn cầu vẫn vượt xa nguồn cung và bù đắp chi phí đầu tư, thu hút nguồn vốn đầu tư ngoài ngành để gia tăng nguồn phát điện đáp ứng cho nền kinh tế. Xu hướng tăng giá sẽ tạo điều kiện gia tăng kết quả hoạt động kinh doanh điện của Công ty.

2. Rủi ro thực hiện các mục tiêu của Công ty:

- Khủng hoảng tài chính, biến động trong chính sách điều hành vĩ mô: kế hoạch đầu tư các dự án nhà máy thủy điện của GEC được xây dựng trên giả định rằng nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng và phát triển ổn định. Quá trình triển khai các dự án trọng điểm của Công ty sẽ hoàn tất theo đúng tiến độ khi không có biến động về chính sách của chính quyền địa phương. Trong trường hợp các vấn đề trên có biến động theo chiều hướng xấu, các mục tiêu phát triển các dự án nhà máy thủy điện khó có thực hiện theo đúng tiến độ đặt ra.
- Biến động lãi suất, tỷ giá sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển mới các nhà máy thủy điện. Do nhu cầu nguồn vốn đầu tư cho các nhà máy thủy điện lớn, Công ty phải huy động vốn từ các Ngân hàng thương mại nên biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí sử dụng vốn vay của Công ty. Bên cạnh đó, việc nhập khẩu máy móc thiết bị cho các Nhà máy mới của GEC sẽ chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá.
- Sự phân bổ các nguồn lực không phù hợp: Sự phân bổ chủ quan không hợp lý và không đầy đủ các nguồn lực như nguồn lực về tài chính, nguồn lực về nhân sự, v.v... trong hệ thống sẽ ảnh hưởng đến kết quả của hoạt động tái cấu trúc mô hình sở hữu trong hệ thống GEC và hiệu quả hoạt động của toàn bộ máy GEC.
- Biến động giá của thị trường chứng khoán: đến cuối năm 2013, Công ty vẫn còn nắm giữ một lượng cổ phiếu đầu tư trị giá hơn 255 tỷ đồng. Do đó biến động của giá các cổ phiếu này sẽ làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty (tăng trích lập hoặc hoàn nhập dự phòng chứng khoán).

PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2013 cụ thể như sau:

- ✓ Tổng doanh thu: 243,9 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 77,3 tỷ đồng, đạt 59% kế hoạch
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 77,5 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch
- ✓ Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu 2013: 6%/Vốn Điều lệ

Năm 2013, Công ty đã thực hiện phân bổ toàn bộ chi phí lãi vay 9,94 tỷ đồng theo chủ trương được Đại hội chấp thuận.

2. Cơ cấu tài sản đến ngày 31/12/2013:

Tổng giá trị tài sản Công ty đạt 1.415 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn chiếm 73,5% giá trị tài sản Công ty.

Khoản mục	<i>ĐVT: tỷ đồng</i>
Tổng tài sản:	1.415
Tổng nợ:	542
Nợ ngắn hạn:	292
Nợ dài hạn:	250
Góp vốn liên doanh TIC	206
Vốn chủ sở hữu:	668

II. Tổ chức và nhân sự

1. Danh sách Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ học vấn	Trình độ chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu (CP)
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC					
Tân Xuân Hiến	Tổng Giám Đốc	04/07/1961	Đại học	Kỹ thuật điện	262.500
Nguyễn Tâm Hòa	Phó Tổng giám đốc	20/06/1978	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	0
Phan Thanh Lạc	Phó Tổng giám đốc	03/08/1960	Đại học	Kế toán - Tài chính	135.110
Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng giám đốc	14/03/1963	Đại học	Kỹ thuật điện	0

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ học vấn	Trình độ chuyên ngành	Số cổ phần sở hữu (CP)
PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ					
Đặng Thị Hiền Đức	Phó phòng	13/08/1979	Đại học	Cử nhân luật	0
TỔ QUẢN LÝ DỰ ÁN					
Nguyễn Hữu Thọ	Tổ trưởng	29/10/1955	Đại học	Kế toán	4.200
PHÒNG KỸ THUẬT SẢN XUẤT					
Lê Bá Nhật Tuấn	Trưởng phòng	02/02/1962	Đại học	Cơ khí chế tạo máy	8.405
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN					
Trần Thị Phương	Trưởng phòng	26/11/1978	Đại học	Kế toán	20.200
PHÒNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ					
Trần Nguyễn Hoàn	Trưởng phòng	20/12/1981	Đại học	Quản trị kinh doanh	0
VĂN PHÒNG CÔNG TY					
Lê Văn Minh	Chánh văn phòng	18/10/1984	Đại học	Quản trị kinh doanh	0
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ					
Hà Nguyên Hoàng	Giám đốc	01/01/1983	Thạc sĩ	Tự động hóa	0

2. Số lượng cán bộ, nhân viên.

✓ Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2013:

Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2013: là 237 CBCNV.

Cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo trình độ			
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	3	1,27%
2	Cán bộ có trình độ đại học	71	29,96%
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	34	14,34%
4	Nhân viên kỹ thuật	105	44,30%

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
5	Lao động phổ thông/lao động khác	24	10,13%
Phân loại theo phòng ban chức năng			
1	Ban Tổng Giám đốc	4	1,69%
2	Văn phòng công ty	7	2,95%
3	Phòng Tài chính – Kế toán	8	3,37%
4	Phòng Hành chính – Nhân sự	22	9,28%
5	Phòng Kế hoạch Đầu tư	7	2,95%
6	Phòng Kỹ thuật sản xuất	10	4,22%
7	Phòng Kiểm soát nội bộ	2	0,84%
8	Tổ Quản lý dự án	4	1,69%
9	Trung tâm phát triển công nghệ	7	2,95%
10	Chi nhánh Chư Prông	79	33,33%
11	Chi nhánh Lâm Đồng	23	9,70%
12	Xí nghiệp Ayun Hạ	44	18,56%
13	Trạm SXĐ Ayun Thượng 1A	20	8,44%
Tổng cộng		237	100%

✓ Chính sách đối với người lao động:

Công ty quan niệm con người là tài sản quan trọng nhất để doanh nghiệp có thể đứng vững và phát triển do vậy chế độ, chính sách đối với người lao động luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu.

Bên cạnh việc cam kết đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát, khuyến khích CBCNV nghỉ phép để phục hồi sức lao động.

Về chế độ chi trả thu nhập: Công ty đã xây dựng chính sách đãi ngộ công bằng, xét nâng lương định kỳ, trả lương theo năng lực, thưởng theo thành tích, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp vào sự phát triển của Công ty, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, tạo động lực phấn đấu cho tất cả CBCNV Công ty. Đồng thời, thường xuyên soát

xét và cải tiến chính sách lương, thưởng cho phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo tính cạnh tranh trong thị trường lao động.

Ngoài ra, nhận thức được tầm quan trọng trong công tác đào tạo đội ngũ CBCNV, Công ty đã xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đối với cán bộ, chuyên viên và đào tạo phát triển công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty.

III. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

1. Các khoản đầu tư lớn:

✓ Thủy điện ĐaKhai

Công ty đã trúng đấu giá và tiếp nhận toàn bộ hệ thống nhà máy thủy điện Đa Khai, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 22/08/2013. Hiện nay nhà máy đang được khai thác vận hành với tổng công suất lắp máy 8,1MW, sản lượng điện bình quân 35 triệu kWh. Dự kiến trong năm 2014 sẽ đóng góp trên 36 tỷ đồng doanh thu và mức lãi gộp khoảng 20 tỷ đồng.

✓ Thủy điện ĐắkPiHao 1

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức trong mùa lũ 2013, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã hoàn thành theo đúng tiến độ đề ra. Ngày 30/12/2013, Công ty đã tiến hành nghiệm thu đóng điện đưa vào vận hành khai thác. Dự kiến năm 2014 nhà máy sẽ đóng góp 20 triệu kWh và doanh thu hơn 16,4 tỷ đồng.

✓ Các dự án thủy điện khác

Trong năm 2013, Công ty đã khảo sát đánh giá nhiều dự án thủy điện tiềm năng tại khu vực Tây Nguyên và các tỉnh miền Trung. Trong các dự án đã khảo sát và đánh giá, có 05 dự án mang tính khả thi cao về kinh tế kỹ thuật. Năm 2014 sẽ tiến hành khởi công xây dựng 03 dự án và lập báo cáo đầu tư 02 dự án cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Công suất lắp máy	Ghi chú
1	Thủy điện Thượng Lộ	Thừa Thiên Huế	6 MW	Khởi công 2014
2	Thủy điện Alin B1	Thừa Thiên Huế	48 MW	Tiếp tục xây dựng 2014
3	Thủy điện Krông Pa 2	Gia Lai	12 MW	Khởi công 2014
4	Cụm thủy điện Đắk Lô 1-2-3	Kon Tum	20 MW	Lập báo cáo đầu tư
5	Thủy điện Đắk Psi	Kon Tum	10MW	Lập báo cáo đánh giá khả thi
Tổng cộng			96MW	

✓ Đầu tư tài chính:

Thực hiện chủ trương được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, trong năm 2013 Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện như: tăng tỷ lệ sở hữu tại TIC từ 63,7% lên 65,1%, GAC từ 95,7% lên 97,5%, GRC từ 81,5% lên 83,1%, thủy điện Alin B1 từ 10% lên 39,65%.

2. Các công ty con, công ty liên kết:

- a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013 các Công ty con hoạt động trong lĩnh vực thủy điện hầu hết đều vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2013. Đối với nhóm các công ty trách nhiệm hữu hạn MTV, do được thành lập từ đầu năm 2013, các Công ty này đang trong quá trình hoàn thiện công tác tổ chức, mô hình hoạt động, từng bước nâng cao năng lực nên hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm đầu tiên chưa cao, cụ thể:

Chỉ tiêu	GHC	GAC	TIC	GRC	GCC	Diên Phú	Tư vấn
Doanh thu	134,72	54,37	38,14	45,94	27,605	13,147	2,294
LNTT	68,35	10,67	29,44	10,65	3,483	1,493	0,417

- b. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	GHC	TIC	GRC	GAC	GCC	Diên Phú	Tư Vấn
Tài sản ngắn hạn	41,04	47,72	34,78	18,07	15,07	4,87	1,84
Tài sản dài hạn	312,41	208,24	220,76	260,71	2,40	1,78	0,63
Tổng tài sản	353,45	255,96	255,54	278,79	17,47	6,65	2,47
Nợ ngắn hạn	82,17	23,20	5,35	35,42	4,85	2,50	0,65
Nợ dài hạn	143,25	-	116,20	120,75	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	128,03	232,76	133,98	122,62	12,62	4,15	1,82
Tổng nguồn vốn	353,45	255,96	255,54	278,79	17,47	6,65	2,47

Nhìn chung các Công ty con của GEC đều duy trì một cơ cấu tài chính khá an toàn và đảm bảo khả năng thanh toán cho Công ty. Đối với Công ty con hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh điện: GHC, GRC, GAC hiện đang duy trì một tỷ lệ nợ khá lớn do Các công ty này mới đi vào hoạt động sau khi hoàn thành đầu tư nhà máy thủy điện nên khoảng vay dài hạn cho các dự án còn khá lớn. Khoản nợ dài hạn này sẽ giảm dần theo kế hoạch trả nợ hằng năm của các Công ty này và sẽ hướng tới cơ cấu tài chính an toàn hơn.

IV. Tình hình tài chính.

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.134.516	1.415.833	24,80%
Tổng doanh thu	284.868	243.906	-14,38%
Lợi nhuận trước thuế	132.106	77.339	-41,46%
Lợi nhuận sau thuế	118.237	77.471	-34,48%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	3,50	1,23	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	3,47	1,21	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,38	0,53	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,61	1,12	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	4,21	5,16	
+ Tổng thu thuần/Tổng tài sản	0,25	0,17	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	0,42	0,32	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,06	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,09	0,32	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,18	0,25	

V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

1. Cổ phần:

- Số cổ phần đang lưu hành: 52.287.186 cổ phần
- Loại cổ phần: 52.287.186 cổ phần tự do chuyển nhượng

2. Cơ cấu cổ đông:

– Cơ cấu cổ đông theo loại hình:

Cơ cấu cổ đông	Số CD	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (đồng)
Cá nhân trong nước	250 CD	12,818	67.020.660.000
Pháp nhân trong nước	11 CD	87,182	455.851.200.000
Cộng	261 CD	100	522.871.860.000

– Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Cơ cấu cổ đông	Số CD	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (đồng)
Sở hữu từ 10%	3 CD	62,358%	326.054.050.000
Sở hữu từ 5% đến dưới 10%	2 CD	19,543 %	102.185.930.000
Sở hữu từ 1% đến dưới 5%	4 CD	10,626 %	55.561.050.000
Sở hữu dưới 1%	252 CD	7,473%	39.070.830.000
Cộng	261 CD	100%	522.871.860.000

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không.

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không.

5. Các chứng khoán khác: không.

PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Đánh giá tình hình hoạt động năm 2013

Năm 2013 là một năm ghi nhận nhiều thành quả tích cực trong việc phát triển lĩnh vực năng lượng của Công ty cũng như trong triển khai thực hiện chiến lược phát triển 5 năm giai đoạn 2012-2017, hướng tới năm 2020.

Trong năm 2013, hoạt động kinh doanh điện trong 6 tháng đầu năm có một số khó khăn nhất định do ảnh hưởng tình hình khô hạn kéo dài ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên làm cho sản lượng điện sản xuất thấp, chưa đạt kỳ vọng. Tuy nhiên, các tháng cuối năm lượng mưa ổn định, lưu lượng nước phát điện tốt đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện đạt chỉ tiêu sản lượng đề ra và vượt doanh thu bán điện theo chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao.

Một số sự kiện quan trọng của Công ty trong năm 2013 rất đáng được quan tâm, đó là Công ty đã đầu tư mua lại thành công nhà máy thủy điện Đa Khai (8,1 MW) tại Lâm Đồng; đồng thời đầu tư vào dự án thủy điện Alin B1 (48 MW) và Thượng Lộ (6 MW) tại tỉnh Thừa Thiên Huế; hoàn thành và đưa vào vận hành nhà máy thủy điện ĐakPiHao 1 theo đúng tiến độ đề ra.

1. Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2013 cụ thể như sau:

- ✓ Tổng doanh thu: 243,9 tỷ đồng, đạt 95% kế hoạch
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 77,3 tỷ đồng, đạt 59% kế hoạch
- ✓ Lợi nhuận sau thuế: 77,5 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch
- ✓ Tỷ lệ cổ tức bằng cổ phiếu 2013: 6%/Vốn Điều lệ

Năm 2013, Công ty đã thực hiện phân bổ toàn bộ chi phí lãi vay 9,94 tỷ đồng theo chủ trương được Đại hội chấp thuận.

2. Cơ cấu tài sản đến ngày 31/12/2013

Tổng giá trị tài sản Công ty đạt 1.415 tỷ đồng, trong đó tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn chiếm 73,5% giá trị tài sản Công ty.

Khoản mục	<i>ĐVT: tỷ đồng</i>
Tổng tài sản:	1.415
Tổng nợ:	542
Nợ ngắn hạn:	292
Nợ dài hạn:	250
Góp vốn liên doanh TIC	206
Vốn chủ sở hữu:	668

3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

✓ Thủy điện ĐaKhai

Công ty đã trúng đấu giá và tiếp nhận toàn bộ hệ thống nhà máy thủy điện Đa Khai, tỉnh Lâm Đồng từ ngày 22/08/2013. Hiện nay nhà máy đang được khai thác vận hành với tổng công suất lắp máy 8,1MW, sản lượng điện bình quân 35 triệu kWh. Dự kiến trong năm 2014 sẽ đóng góp trên 36 tỷ đồng doanh thu và mức lãi gộp khoảng 20 tỷ đồng.

✓ Thủy điện ĐắkPiHao 1

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức trong mùa lũ 2013, Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã hoàn thành theo đúng tiến độ đề ra. Ngày 30/12/2013, Công ty đã tiến hành nghiệm thu đóng điện đưa vào vận hành khai thác. Dự kiến năm 2014 nhà máy sẽ đóng góp 20 triệu kWh và doanh thu hơn 16,4 tỷ đồng.

✓ Các dự án thủy điện khác

Trong năm 2013, Công ty đã khảo sát đánh giá nhiều dự án thủy điện tiềm năng tại khu vực Tây Nguyên và các tỉnh miền Trung. Trong các dự án đã khảo sát và đánh giá, có 05 dự án mang tính khả thi cao về kinh tế kỹ thuật. Năm 2014 sẽ tiến hành khởi công xây dựng 03 dự án và lập báo cáo đầu tư 02 dự án cụ thể như sau:

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Công suất lắp máy	Ghi chú
1	Thủy điện Thượng Lộ	Thừa Thiên Huế	6 MW	Khởi công 2014
2	Thủy điện Alin B1	Thừa Thiên Huế	48 MW	Tiếp tục xây dựng 2014
3	Thủy điện Krông Pa 2	Gia Lai	12 MW	Khởi công 2014
4	Cụm thủy điện Đắk Lô 1-2-3	Kon Tum	20 MW	Lập báo cáo đầu tư
5	Thủy điện Đắk Psi	Kon Tum	10MW	Lập báo cáo đánh giá khả thi
Tổng cộng			96MW	

✓ Đầu tư tài chính:

Thực hiện chủ trương được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao, trong năm 2013 Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện như: tăng tỷ lệ sở hữu tại TIC từ 63,7% lên 65,1%, GAC từ 95,7% lên 97,5%%, GRC từ 81,5% lên 83,1%, thủy điện Alin B1 từ 10% lên 39,65%.

4. Công tác tái cấu trúc bộ máy hoạt động

Dưới sự quản trị của Hội Đồng Quản Trị; sự giám sát của Ban Kiểm Soát và sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, trong năm 2013 Công ty đã tiến hành tái cấu trúc công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, thành lập các Chi nhánh, xí nghiệp trực thuộc phù hợp với mô hình hoạt động mới gồm:

- ✓ Thành lập chi nhánh Lâm Đồng: quản lý nhà máy thủy điện Đa Khai. Thành lập chi nhánh Chư Prông: quản lý cụm 06 nhà máy thủy điện (Ia Drăng 1-2-3, Ia Muer, Ia Puch 3, Ia Lôp) nhằm tăng cường khai thác hiệu quả hoạt động kinh doanh điện bán lẻ tại huyện Chư Prong.
- ✓ Thành lập Xí nghiệp SXĐ Ayun Hạ: quản lý cụm 3 nhà máy thủy điện (Ayun Hạ, Đăk Pi Hao 1-2).

Công tác tổ chức bộ máy điều hành tại 03 Công ty TNHH MTV trực thuộc đã được xây dựng theo quy chế tổ chức hoạt động của Đơn vị.

5. Công tác nhân sự

- ❖ Tổng số lao động của Công ty đến cuối năm 2013 là 238 người, trong đó lao động làm công tác quản lý là 72 người và lao động trực tiếp sản xuất là 166 người. Thu nhập bình quân người lao động đạt 7.300.000 triệu đồng/người/tháng.
- ❖ Công tác đào tạo nguồn nhân lực: Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác đầu tư đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt công tác xây dựng lực lượng kế thừa có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để phát huy hiệu quả hoạt động của Công ty.
- ❖ Đánh giá thi đua khen thưởng:
Kết quả đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm 2013: 03 Tập thể lao động xuất sắc; 16 Tập thể lao động giỏi; 15 cá nhân lao động xuất sắc; 161 cá nhân lao động giỏi và 2 cá nhân lao động khá.

6. Công tác xây dựng cơ chế - chính sách:

Bên cạnh hệ thống 25 quy chế và 32 quy định/quy trình/hướng dẫn được ban hành, trong năm 2013 Công ty đã điều chỉnh và ban hành mới một số văn bản lập quy nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống pháp lý cho hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt. Đến cuối năm 2013, Công ty đã ban hành tổng cộng 82 văn bản lập quy, hoàn thành 100% kế hoạch lập quy.

7. Công tác Hành chính khác:

- ❖ Công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ: Công ty đã thực hiện tốt những quy định của Bộ luật lao động về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; trang bị phương tiện phòng hộ cá nhân theo ngành nghề, phương tiện phòng chống cháy nổ; vệ sinh môi trường đảm bảo tốt.
- ❖ Tham gia các hoạt động nhân đạo, xã hội từ thiện, xóa đói giảm nghèo...: năm 2013 Công ty và các tổ chức đoàn thể đã ủng hộ được trên 130 triệu đồng. (Bao gồm: Quỹ bảo trợ người tàn tật, bệnh nhân nghèo, quỹ bảo trợ trẻ em, Quỹ đền ơn đáp nghĩa thương binh liệt sĩ, tổ chức các hoạt động phong...).

8. Kết luận

Trong bối cảnh nền kinh tế chung còn nhiều khó khăn, tuy nhiên theo định hướng phát triển của ĐHQĐ, sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Hội Đồng Quản Trị, cùng với nỗ lực của Ban

Điều hành và toàn thể CBNV. Năm 2013, Công ty đạt được một số thành quả tích cực theo nhiệm vụ kế hoạch được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao.

Trước tình hình kinh tế trong nước vẫn còn không ít khó khăn và thách thức, các yếu tố rủi ro trong kinh doanh ngày càng khó dự báo. Để vượt qua tình hình này, đòi hỏi Công ty phải tiếp tục nỗ lực nhiều hơn nữa về mọi mặt.

II. Định hướng phát triển năm 2014 và giai đoạn 2014-2017

Với trách nhiệm trước Tập đoàn, Đại hội đồng cổ đông trong việc xây dựng GEC trở thành một trong những Tổng công ty năng lượng tái tạo hàng đầu khu vực miền Trung và Tây Nguyên, kết hợp sự hỗ trợ to lớn từ Tập đoàn như công tác định hướng chiến lược, hỗ trợ về vốn, nguồn nhân lực... sẽ giúp GEC phát huy tối đa các nguồn lực để thực hiện hoàn thành kế hoạch chiến lược giai đoạn 2013-2017.

Theo những dự báo về kinh tế Việt Nam trong năm 2014, việc thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 đòi hỏi sự nỗ lực rất lớn của Công ty chúng ta. Ban lãnh đạo cùng với toàn thể CB-CNV Công ty sẽ tập trung mọi nguồn lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2014 một cách hiệu quả nhất.

1. Định hướng và các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2014

a. Hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng

Kế hoạch sản lượng (điện thương phẩm), doanh thu sản xuất kinh doanh điện năng năm 2014 cụ thể:

- Tổng sản lượng kế hoạch : 165,4 triệu kWh, thực hiện năm 2013 là 122,5 triệu kWh, tăng 35%

Trong đó:

- + Sản lượng điện sản xuất : 96,3 triệu kWh, tăng 79% so với 2013
- + Sản lượng điện mua kinh doanh : 69,1 triệu kWh, tăng 0,6% so với 2013
- Tổng doanh thu điện kế hoạch : 152,6 tỷ đồng, thực hiện năm 2013 là 104,5 tỷ đồng, tăng 46%

Trong đó:

- + Doanh thu điện sản xuất : 91,1 tỷ đồng, tăng 98% so với 2013
- + Doanh thu điện mua kinh doanh : 61,5 tỷ đồng, tăng 5% so với 2013

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản lượng, doanh thu đề ra Công ty cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa định kỳ các nhà máy đảm bảo vận hành liên tục, thông suốt;
- Điều tiết lưu lượng nước, tối ưu hóa việc phát điện vào giờ cao điểm tốt hơn, tăng hiệu quả kinh tế.

b. Hoạt động cung cấp dịch vụ

Năm 2014 GEC phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch doanh thu cung cấp dịch vụ kỹ thuật, đồng thời hỗ trợ các công ty thành viên Tập đoàn (NHS, SEC) hoàn tất các thủ tục triển khai dự án nhiệt điện bã mía, chỉ tiêu hoạt động cụ thể như sau:

Tổng doanh thu thực hiện : 17,4 tỷ đồng, tăng 58% so với 2013

Trong đó:

- + Doanh thu dịch vụ quản lý vận hành : 8,2 tỷ đồng
- + Doanh thu dịch vụ kỹ thuật, tư vấn: 7,2 tỷ đồng
- + Doanh thu tư vấn QLDA : 2,0 tỷ đồng

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- Nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả công việc, phát huy tính chủ động trong việc tìm kiếm các hợp đồng từ Đơn vị ngoài.
- Nghiên cứu, cải tiến và ứng dụng các thành tựu khoa học – công nghệ và áp dụng vào hoạt động SXKD Công ty, đồng thời phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và thương mại hóa sản phẩm.

c. Hoạt động đầu tư tài chính

Kế hoạch doanh thu hoạt động đầu tư tài chính năm 2014 cụ thể:

Tổng doanh thu kế hoạch : 106,2 tỷ đồng

Trong đó: + Thu nhập từ lãi cho vay vốn : 15,4 tỷ đồng
+ Thu cổ tức từ các Công ty GEC đầu tư : 90,8 tỷ đồng

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- Tiếp tục tái cấu trúc và nâng cao năng lực quản lý chuyên sâu đối với các Công ty thành viên, đẩy nhanh tiến độ củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các đối tượng đầu tư.
- Tập trung tăng tỷ lệ sở hữu tại các đối tượng hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực sản xuất điện và góp vốn theo tiến độ vào các dự án nằm trong danh mục hiện hữu theo kế hoạch giải ngân.
- Chú trọng công tác đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của nhân sự nhằm sẵn sàng tham gia công tác quản trị điều hành tại các công ty con, phát huy vai trò định hướng chiến lược phát triển các công ty con.

d. Hoạt động đầu tư dự án

Để xây dựng Công ty trở thành một trong những công ty năng lượng tái tạo hàng đầu khu vực miền Trung và Tây Nguyên như định hướng kế hoạch giai đoạn 2013-2017, năm 2014 là năm đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai xây dựng các dự án chiến lược như Alin B1, Thượng Lộ... Để thực hiện tốt công việc này GEC cần phải thực hiện đúng tiến độ triển khai các dự án sau:

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng dự án Thủy điện Thượng lộ, Thừa Thiên-Huế để hoàn thành dự án và chính thức phát điện vào đầu mùa mưa năm 2015.

- Tiếp tục nghiên cứu, phân tích các dự án thủy điện (nằm trong danh mục nghiên cứu đầu tư của Công ty), sớm trình Hội đồng quản trị thông qua và triển khai thực hiện trong những năm tiếp theo.
- Đầu tư mở rộng, cải tạo nâng cấp lưới điện Chư Prông nhằm khai thác có hiệu quả hơn hoạt động bán lẻ.
- Đầu tư nâng cấp Nhà máy thủy điện Đakhai từ 8,1MW lên 8,6MW nhằm gia tăng công suất phát điện giờ cao điểm để mang lại doanh thu và lợi nhuận cao hơn so với hiện nay.

Nhu cầu sử dụng vốn cho hoạt động đầu tư cho các dự án thủy điện của GEC trong những năm tiếp theo thể hiện qua bảng sau:

Bảng nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2014-2017 (ĐVT: Triệu đồng)

TT	Nội dung	2014	2015	2016	2017
1	Nguồn thu	583.347	335.280	359.854	392.698
	<i>Thu hồi các khoản đầu tư (bán cổ phiếu)</i>	<i>228.310</i>			
2	Kế hoạch chi	670.356	440.401	406.403	433.088
	<i>Trả gốc vay</i>	<i>268.609</i>	<i>45.110</i>	<i>47.235</i>	<i>47.235</i>
	<i>Hoạt động đầu tư</i>	<i>204.856</i>	<i>99.289</i>	<i>48.579</i>	<i>59.115</i>
3	Cân đối nguồn tiền	-87.010	-105.120	-46.549	-40.390

Với chiến lược đầu tư phát triển các dự án thủy điện giai đoạn 2014-2017, nhu cầu vốn của Công ty là rất lớn. Để đảm bảo nguồn vốn đáp ứng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, bù đắp nguồn vốn thiếu hụt và gia tăng năng lực tài chính cho Công ty, cần thực hiện phương án tăng vốn điều lệ Công ty.

e. Các công tác khác

- ✓ Kỹ thuật: Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn các công ty thành viên, các đơn vị trực thuộc về các giải pháp kỹ thuật; hoàn chỉnh, triển khai lắp đặt hệ thống Scada cho nhà máy thủy điện còn lại của Công ty; đào tạo, hướng dẫn nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn mới.
- ✓ Nhân sự: Xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng và thực hiện tốt cơ chế khuyến khích, thu hút cán bộ, chuyên gia có năng lực, kinh nghiệm và trình độ chuyên môn. Tuyển chọn bổ sung, điều chuyển, sắp xếp nhân sự phù hợp tại các CTTV.
- ✓ Tài chính - Kế toán: Đẩy mạnh công tác quản trị, phân tích thực trạng tài chính, tham mưu các giải pháp sử dụng vốn hiệu quả. Tiếp tục công tác đào tạo, hỗ trợ các công ty thành viên, các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện công tác tài chính, kế toán. Nâng cao kiểm tra, kiểm soát về chi phí, giá thành theo hướng tiết kiệm, hiệu quả hơn. Xây dựng nguồn lực nhân sự kế toán cho các công ty thành viên

f. Tổng hợp kế hoạch hoạt động năm 2014

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua phương án kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 như sau:

- ✓ Tổng doanh thu thực hiện : 276 tỷ đồng, bằng 113% so với năm 2013
- ✓ Lợi nhuận trước thuế : 108 tỷ đồng, bằng 140% so với năm 2013
- ✓ Tỷ lệ trả cổ tức : 10%

2. Chỉ tiêu kế hoạch các Công ty TNHH MTV trực thuộc Công ty

1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông ly tâm Gia Lai và Cơ Điện Diên Phú:

a. Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông ly tâm Gia Lai

- ✓ Tổng doanh thu kế hoạch : 28,0 tỷ đồng
- ✓ Lợi nhuận trước thuế : 3,5 tỷ đồng

b. Công ty TNHH MTV Cơ Điện Diên Phú

- ✓ Tổng doanh thu kế hoạch : 16,1 tỷ đồng
- ✓ Lợi nhuận trước thuế : 2,9 tỷ đồng

Các giải pháp cơ bản thực hiện kế hoạch:

- Tập trung mọi nguồn lực thực hiện hoàn thành các gói thầu thuộc các dự án thủy điện mới khởi công trong năm 2014 theo đúng tiến độ đề ra.
- Hoàn tất công tác xây dựng khu sản xuất Diên Phú để hướng tới quy hoạch tập trung các Đơn vị sản xuất trực thuộc.
- Chủ động tìm kiếm việc làm và mở rộng cung cấp dịch vụ tới các CTTV của GEC và Tập đoàn.

2. Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển năng lượng Gia Lai:

- ✓ Tổng doanh thu kế hoạch : 4,1 tỷ đồng
- ✓ Lợi nhuận trước thuế : 1,2 tỷ đồng

Các giải pháp cơ bản thực hiện kế hoạch:

- Xây dựng, sắp xếp bộ máy quản lý, chuyên nghiệp hóa công tác tư vấn thiết kế, giám sát, quản lý dự án.
- Hoàn thành đúng tiến độ công tác lập dự án khả thi, hồ sơ thiết kế kỹ thuật-bản vẽ thi công các dự án đầu tư mới trong năm 2014 theo nhiệm vụ được giao.

3. Định hướng phát triển giai đoạn 2014-2017

Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn này sẽ trở thành một trong những Tổng Công ty lớn nhất của ngành năng lượng sạch tại khu vực miền Trung – Tây Nguyên. Công ty sẽ tập trung vào lĩnh vực năng lượng, quản lý và khai thác hiệu quả các dự án điện năng hiện hữu, các đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Xem xét mở rộng đầu tư vào các dự án thủy điện có hiệu quả; nghiên cứu các dạng năng lượng mới, các phương thức đầu tư mới. Các mục tiêu tổng quát như sau:

1. Phát triển năng lượng

- ✓ Thủy điện: phát triển 4-6 dự án thủy điện mới có hiệu quả kinh tế, tổng công suất lắp máy 60-80 MW;
 - ✓ Năng lượng khác (gió, nhiệt điện...): nghiên cứu các giải pháp công nghệ tiết kiệm chi phí đầu tư; đăng ký các dự án tiềm năng, độ khả thi cao.
2. Phát triển công nghệ cao, phát triển sản xuất công nghiệp phụ trợ
- Trở thành đơn vị chuyên cung cấp dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ và cung cấp thiết bị trong lĩnh vực năng lượng sạch cho các khách hàng trong khu vực đặc biệt là khách hàng khu vực Tây Nguyên.
3. Nhân sự
- Trong giai đoạn 2014-2017 đảm bảo duy trì tỷ lệ CBNV có trình độ Đại học/Cao đẳng trở lên, chiếm trên 30%, lực lượng Công nhân kỹ thuật đạt từ 60% trở lên, còn lại là lao động phổ thông/thời vụ.

III. Kết luận

Năm 2013 vừa qua, Công ty Cổ phần Điện Gia Lai đã ghi nhận những thành quả tích cực từ những bước chuyển biến mạnh mẽ trong công tác tái cấu trúc hoạt động Công ty. Kết quả khả quan trong hoạt động sản xuất kinh doanh chính năm 2013 là tiền đề quan trọng để Công ty triển khai thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 và chiến lược phát triển giai đoạn 2014- 2017.

Để làm được điều này, toàn thể CB-CNV Công ty sẽ phải thực sự nỗ lực, tập trung trí tuệ, thống nhất hành động, không ngừng phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực sẵn có và quyết tâm thực hiện thành công vượt mức kế hoạch năm 2014 đã đề ra.

PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2013, Nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến tích cực so với những năm trước, đáng chú ý trong năm 2013 là chỉ số lạm phát đạt 6,04% thấp nhất trong 10 năm trở lại đây, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước tăng trưởng 5,42%, mặt bằng lãi suất cho vay giảm 2%-5%/năm so với năm 2012 và Chính phủ đã có những biện pháp tái cấu trúc lại nền kinh tế hiệu quả. Tuy nhiên trước bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng còn thấp thấp, chính sách tiền tệ thắt chặt, khủng hoảng, khó khăn vẫn còn tồn tại đã ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế vĩ mô nói chung và GEC nói riêng.

Vượt qua những khó khăn, thách thức của nền kinh tế Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã có những bước đi đúng đắn, đề ra các mục tiêu hoạt động kịp thời và hợp lý, tận dụng tốt các thời cơ và đưa ra những quyết sách hợp lý giúp GEC phát triển ổn định. Cụ thể các hoạt động chính của Công ty như sau:

1. Công tác đầu tư dự án:

- Hoàn thành và đưa vào vận hành dự án Đăkpihao 1 theo đúng tiến độ HĐQT đề ra.
- Hoàn thành việc đấu giá mua lại hệ thống NMTĐ Đa Khai, Lâm Đồng với tổng công suất lắp máy 8,1MW, sản lượng điện bình quân 37 triệu kWh. Dự kiến trong năm 2014 sẽ đóng góp trên 36 tỷ đồng doanh thu và mức lãi gộp khoảng 20 tỷ đồng.
- Tiếp tục nghiên cứu và triển khai đầu tư tại các dự án mới:

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Công suất lắp máy	Ghi chú
1	Thủy điện Thượng Lộ	Thừa Thiên Huế	6 MW	Khởi công 2014
2	Thủy điện Alin B1	Thừa Thiên Huế	48 MW	Tiếp tục xây dựng 2014
3	Thủy điện Krông Pa 2	Gia Lai	12 MW	Khởi công 2014
4	Cụm thủy điện Đăk Lô 1-2-3	Kon Tum	20 MW	Lập báo cáo đầu tư
5	Thủy điện Đăk Psi	Kon Tum	10MW	Lập báo cáo đầu tư
Tổng cộng			96MW	

2. Công tác đầu tư tài chính:

- Đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại TIC từ 63,7% lên 65,1%,
- Đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại GAC từ 95,7% lên 97,5%,
- Đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại GRC từ 81,5% lên 83,1%,
- Đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại thủy điện Trường Phú từ 10% lên 39,65%.

- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục góp vốn thực hiện hoàn tất các thủ tục pháp lý để khởi công xây dựng các dự án thủy điện Thượng Lộ, Cụm thủy điện Đăk Lô 1-2-3.

3. Công tác tái cấu trúc:

- Thành lập Chi nhánh Lâm Đồng: quản lý nhà máy thủy điện Đa Khai, tỉnh Lâm Đồng;
- Thành lập Chi nhánh Chư Prông: quản lý cụm 06 nhà máy thủy điện (Ia Đrăng 1-2-3, Ia Muer, Ia Puch 3, Ia Lôp) nhằm tăng cường khai thác hiệu quả hoạt động kinh doanh điện bán lẻ tại huyện Chư Prong.
- Thành lập Xí nghiệp SXĐ Ayun Hạ: quản lý cụm 3 nhà máy thủy điện (Ayun Hạ, Đăk Pi Hao 1-2).
- Công tác tổ chức bộ máy điều hành tại 03 Công ty TNHH MTV trực thuộc đã được xây dựng theo quy chế tổ chức hoạt động của Đơn vị. Đây là tiền đề thuận lợi để các Đơn vị này từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng quy mô và phát triển năng lực sản xuất theo định hướng chiến lược phát triển của GEC.

4. Công tác lập quy:

- Hoàn thành 100% kế hoạch lập quy và đang tiếp tục triển khai hoàn thành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng trong quý 1/2014.
- Công tác lập quy tại các Công ty TNHH MTV cũng được chú trọng và từng bước hoàn thiện.

II. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị năm 2013 đã được tổ chức hoạt động chuyên trách, có sự phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn. Ngoài các phiên họp định kỳ, bất thường, họp giao ban mở rộng với các Công ty thành viên, HĐQT còn thường xuyên dự các phiên họp giao ban hàng tháng với Ban điều hành và các Công ty thành viên để nắm bắt kịp thời các mặt hoạt động của Công ty, nhằm hỗ trợ và đưa ra các chính sách, chủ trương kịp thời đáp ứng cho công tác quản trị, điều hành của đơn vị. Hoạt động của HĐQT trong năm 2013 chú trọng đến công tác quản trị rủi ro, triển khai các quy chế phục vụ cho công tác quản trị và điều hành.

HĐQT luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị theo mô hình mô hình quản trị tiên tiến của công ty cổ phần, công tác này ngày càng được thực hiện kết quả tốt hơn, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Công ty và các xu thế phát triển của thời đại.

III. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tiếp tục hoạt động theo mô hình Tổng Công ty, do vậy HĐQT sẽ tập trung thực hiện tái cấu trúc một cách toàn diện và triệt để nhằm hoàn thiện bộ máy hoạt động, nâng cao năng lực hoạt động, năng lực cạnh tranh của Công ty, các Công ty thành viên và các Đơn vị trực thuộc theo phương châm Quản trị tập trung – Điều hành phân công – Kiểm soát trách nhiệm.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy cho GEC, các Công ty thành viên và các Đơn vị trực thuộc, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho mục tiêu quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hóa kết hợp với việc xây dựng một tập thể năng động, sáng tạo và bản lĩnh, xây dựng một sức mạnh văn hóa doanh nghiệp đặc sắc mang dấu ấn GEC và các Công ty thành viên.
- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng - công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.
- Tập trung cho công tác tuyển dụng và đào tạo cán bộ, tạo lợi thế cạnh tranh về nguồn nhân lực cho Công ty, hoàn thiện hệ thống lương thưởng, đánh giá, quy hoạch cán bộ cấp cao và cán bộ quản lý cho Công ty.
- Triển khai công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra định kỳ đảm bảo hoàn thành trong mùa khô, để sẵn sàng cho việc phát điện mùa mưa.
- Năm 2014 Công ty tập trung tiến hành khởi công xây dựng dự án thủy điện Thượng Lộ, Alin B1, Krông Pa 2 và lập báo cáo đầu tư dự án thủy điện Đăk Psi, Đăk Lô 1-2-3.
- Chỉ đạo triển khai dự án cải tạo lưới điện Chư prông và dự án khu sản xuất GEC theo đúng kế hoạch đề ra.
- Tập trung vào việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT.

Với những định hướng nêu trên, trong năm 2014 HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Cổ đông, từng bước chăm lo hơn nữa đến đời sống cán bộ công nhân viên của công ty.

PHẦN E: QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng quản trị

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu
1	Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch	0 cp
2	Ông Tân Xuân Hiến	Thành viên	262.500 cp
3	Ông Đình Văn Hiệp	Thành viên	0 cp

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 thông qua.
- Giám sát các hoạt động tài chính của Công ty.
- Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ, điều đặn để đưa ra các Nghị quyết về các giải pháp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá kết quả đã thực hiện để điều chỉnh kịp thời. Trong HĐQT có thành viên HĐQT thường trực nên việc nắm bắt thông tin kịp thời, xử lý thông tin nhanh chóng đảm bảo Công ty phát triển bền vững và tuân thủ đúng quy định pháp luật.
- Kiểm tra giám sát việc điều hành SXKD bám sát mục tiêu của Nghị quyết HĐQT, sửa đổi bổ sung các Quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình hoạt động của Công ty.
- Các cuộc họp của HĐQT (cả năm 2013):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch	14/14	100%	
2	Ông Tân Xuân Hiến	Thành viên	14/14	100%	
3	Ông Đình Văn Hiệp	Thành viên	14/14	100%	

3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

✓ Ban Quản lý dự án thủy điện Đắkpihao 1

- Trưởng Ban: Ông Tân Xuân Hiến – Tổng Giám đốc
- Hoạt động: Đã thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án Đắkpihao 1 đúng theo quy định của Công ty và pháp luật. Dự án đã chính thức đưa vào đóng điện ngày 31/12/2013.

✓ Ban ứng dụng Công nghệ thông tin

- Trưởng Ban: Ông Nguyễn Tâm Hòa – Phó Tổng Giám đốc
- Hoạt động: Đã triển khai đánh giá, trình HĐQT phê duyệt chủ trương và đang triển khai trang bị: server và phần mềm kế toán FAST; phần mềm quản lý nhân sự FAST; Phần mềm kế hoạch ngân sách Cognos TM1; Phần mềm quản lý thiết bị vật tư.

✓ **Ban Quản lý dự án khu sản xuất GEC**

- Trưởng Ban: Ông **Nguyễn Tâm Hòa** – Phó Tổng Giám đốc
- Hoạt động: Ban đã hoàn tất triển khai đánh thiết kế và công năng khu sản xuất GEC. Đồng thời Ban đã thống nhất và hoàn tất việc ký hợp đồng với đơn vị tư vấn thiết kế khu sản xuất GEC theo đúng chủ trương của HĐQT đề ra.

✓ **Ban mua sắm hàng hóa**

- Trưởng Ban: Ông **Nguyễn Tâm Hòa** – Phó Tổng Giám đốc
- Hoạt động:
 - + Hoàn thành và trình Tổng Giám đốc phê duyệt ban hành Quy trình mua sắm hàng hóa theo quyết định số 114 ngày 09/12/2013.
 - + Gửi công văn đến các Công ty thành viên và hoàn tất việc ký kết biên bản thỏa thuận về việc mua sắm hàng hóa tập trung tại GEC ngày 10/12/2013.
 - + Triển khai công tác mua sắm hàng hóa tập trung vào những tháng cuối năm 2013: Mua vật tư thiết bị phát triển tải và KĐĐK tại khu vực Chư Prông và phụ cận; Mua vật tư thiết bị lắp đặt HTĐĐ cụm NMTĐ ĐăkPiHao 1,2 và NXT 35kV TBA 110 Ayun Pa; Mua máy cắt dự phòng tết.
 - + Đang hoàn tất Bảng giá vật tư máy móc thiết bị Quý 1/2014.

✓ **Ban cải tạo lưới điện Chư prong**

- Trưởng Ban: Ông **Nguyễn Đình Tuấn** – Phó Tổng Giám đốc
- Hoạt động:
 - + Hoạt động cải tạo lưới điện: Ban cải tạo đã hợp với đơn vị tư vấn là Công ty TNHH MTV Tư vấn và phát triển năng lượng Gia Lai để thảo luận, đánh giá Báo cáo của Đơn vị tư vấn về Phương án cải tạo lưới điện Chư Prông. Dự kiến sẽ lập báo cáo hoàn chỉnh để có thể triển khai dự án cải tạo lưới điện trong 02/2014.
 - + Hoạt động phát triển tải: phối hợp với Ban mua sắm hàng hóa tiến hành mua 365 công tơ các loại và các phụ kiện đi kèm để phục vụ công tác phát triển tải đợt 1 tại khu vực Chư Prông, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng điện tại khu vực và góp phần phát triển hoạt động kinh doanh điện của Công ty.

II. Ban kiểm soát

1. Nhân sự Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010 - 2015

- Ông Lưu Mạnh Thức - Trưởng Ban
- Ông Hàn Phi Hải – Thành viên thường trực
- Ông Bùi Tấn Khải - Thành viên

2. Tình hình hoạt động

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được quy định cụ thể trong điều lệ Công ty. Cụ thể:

- + Lập kế hoạch kiểm tra kiểm soát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên Ban kiểm soát, thực hiện kiểm tra kiểm soát theo kế hoạch.
- + Kiểm tra, xem xét báo cáo tài chính, sổ sách chứng từ và hệ thống quản lý, giám sát nội bộ theo quy định của nhà nước và điều lệ Công ty.

- + Chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ, đánh giá hoạt động kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty.
- + Giám sát việc quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2013 do Công ty TNHH kiểm toán AAC thực hiện kiểm toán.

3. Kiểm soát hoạt động của hội đồng quản trị và ban điều hành

a. Hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT)

- Ban kiểm soát ghi nhận hoạt động của HĐQT đã tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.
- Hội đồng quản trị đã ban hành nghị quyết, quyết định liên quan đến các vấn đề về hoạt động kinh doanh, công tác đầu tư, công tác tổ chức nhân sự, thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ của mình, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông.
- HĐQT Công ty gồm 03 thành viên đã hoạt động tích cực, luôn bám sát các hoạt động của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các quyết định điều chỉnh hợp lý trong công tác sản xuất kinh doanh.
- Năm 2013 ghi nhận nhiều thành quả trong công tác đầu tư phát triển năng lượng: công ty đã đầu tư mua lại thành công nhà máy thủy điện Đa Khai 8,1 MW tại Lâm Đồng; đồng thời đầu tư mở rộng dự án thủy điện Alin B1 (48MW) và Thủy điện Thượng Lộ 6 MW tại Thừa Thiên Huế, hoàn thành và đưa vào vận hành nhà máy Thủy điện Đakpihao 1 theo đúng tiến độ. Ban kiểm soát ghi nhận và đánh giá cao tinh thần tích cực làm việc của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, cán bộ quản lý và tập thể CBNV trong toàn Công ty.

b. Hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành đã chấp hành và triển khai thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản và nhân sự như sau:

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đã được Ban điều hành triển khai kịp thời, đúng yêu cầu. Công tác quản lý điều hành có sự năng động và cẩn trọng để đưa Công ty phát triển bền vững, nhằm mang lại lợi ích cho cổ đông.

- Ban điều hành duy trì thường xuyên các cuộc họp giao ban tháng với các cán bộ quản lý các đơn vị, chi nhánh nhằm giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quản lý, điều hành và trong công tác sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với hội đồng quản trị và ban điều hành

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Điều Hành trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ kiểm tra và kiểm soát nội bộ.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình; được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã thông báo cho HĐQT, Ban Điều Hành về kế hoạch kiểm tra, kiểm soát năm 2013 để phối hợp. Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra cũng như phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các đơn vị.

III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Họ tên	Chức vụ trong HĐQT/BKS	Thù lao hàng tháng (Đồng)	Thời gian chi trả từ ngày
1	Thái Văn Chuyên	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	01/01/2013
2	Tân Xuân Hiến	Thành viên HĐQT	7.000.000	01/01/2013
3	Đình Văn Hiệp	Thành viên HĐQT	7.000.000	01/01/2013
4	Lưu Mạnh Thức	Trưởng Ban kiểm soát	7.000.000	01/01/2013
5	Bùi Tấn Khải	Thành viên BKS	5.000.000	01/01/2013
6	Hàn Phi Hải	Thành viên BKS	5.000.000	01/01/2013

2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/Cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP giao dịch hàng hóa Sơn Tín	Cổ đông lớn	7.000.000	13,388	0	0

2	Công ty CP xuất nhập khẩu Bến Tre	Cổ đông lớn	7.000.000	13,388	0	0
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Ông Thái Văn Chuyền (Chủ tịch HĐQT GEC) làm Tổng GD	1.140.034	2,180	13.040.034	24,939
4	Hồ Thị Ánh Ngọc	Vợ ông Tân Xuân Hiến (TV HĐQT kiêm TGD GEC)	0	0	169.382	0,24

3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Hội đồng quản trị chấp thuận thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty cổ phần Điện Gia Lai ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán công bố tại thời điểm gần nhất được ký kết giữa Công ty cổ phần Điện Gia Lai (GEC) với các Công ty: (1) Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, (2) Công ty cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai, (3) Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai, (4) Công ty cổ phần Điện Cao Su Gia Lai, (5) Công ty Cổ phần đầu tư Điện Tây Nguyên, (6) Công ty Cổ phần Ayun Thượng, (7) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, (8) Công ty Cổ phần Đường Buorbon Tây Ninh, (9) Công ty Cổ phần Trường Phú, (10) Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ, (11) Công ty Cổ phần Kênh Bắc – Ayun Hạ, (12) Công ty TNHH MTV Xây dựng – Bê tông ly tâm Gia Lai, (13) Công ty TNHH MTV Cơ điện Diên Phú, (14) Công ty TNHH MTV Tư vấn và Phát triển năng lượng Gia Lai, (15) Công ty TNHH GKC, (16) Công ty TNHH GKC Đăkpsi và Người có liên quan của những Công ty trên.

PHẦN F: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý kiến kiểm toán:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI
Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (059) 3823604 / 3823606 - Fax: (059) 3826365
Email: info@geccom.vn - Website: http://www.geccom.vn

Số: 574/2014/BCKT-ACCĐà Nẵng, ngày 15 tháng 04 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 : Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07/04/2014 của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là “công ty”) đính kèm từ trang 6 đến trang 43.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập của mình về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm toán nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

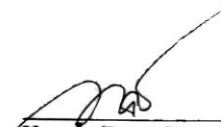
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Trọng Hiểu
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ hành nghề số : 0391-2013-010-1



Nguyễn Trung Dũng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ hành nghề số: 1380-2013-010-1

Để xem toàn bộ Báo cáo tài chính, Quý cổ đông vui lòng truy cập Website: http://www.geccom.vn

II. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán(Ngày 31 tháng 12 năm 2013):**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		405.133.491.368	419.152.805.404
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	30.088.149.045	105.565.829.591
1.	Tiền	111		26.428.149.045	87.946.609.591
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.660.000.000	17.619.220.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	255.416.949.282	262.237.360.283
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		277.322.114.974	265.310.370.805
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(21.905.165.692)	(3.073.010.522)
III.	Các khoản phải thu	130		93.276.513.020	38.171.415.696
1.	Phải thu của khách hàng	131		46.287.496.487	32.680.058.083
2.	Trả trước cho người bán	132		42.124.803.137	3.302.021.635
3.	Các khoản phải thu khác	135	7	5.198.164.348	2.298.775.323
4.	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(333.950.952)	(109.439.345)
IV.	Hàng tồn kho	140		15.484.072.400	7.834.130.849
1.	Hàng tồn kho	141	8	15.484.072.400	7.834.130.849
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		10.867.807.621	5.344.068.985
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.795.207.337	248.989.868
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.456.568.936	21.065.839
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	419.644.691	8.576.987
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	11	7.196.386.657	5.065.436.291
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.320.064.702.293	1.057.514.937.728
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	119.485.996
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	361.051.177
2.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(241.565.181)
II.	Tài sản cố định	220		1.209.068.542.620	930.734.121.592
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.070.484.348.703	907.158.856.297
-	- Nguyên giá	222		1.310.058.677.122	1.090.406.639.905
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(239.574.328.419)	(183.247.783.608)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	13	1.696.694.977	1.653.105.833
-	- Nguyên giá	228		1.968.877.975	1.934.077.975
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(272.182.998)	(280.972.142)
3.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	136.887.498.940	21.922.159.462
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	72.548.097.693	83.071.886.559
1.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		68.877.613.937	68.871.402.803
2.	Đầu tư dài hạn khác	258		3.670.483.756	14.200.483.756
V.	Tài sản dài hạn khác	260		34.904.018.768	40.012.511.626
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	16	28.404.777.691	35.909.895.546
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.681.241.077	4.102.616.080
3.	Tài sản dài hạn khác	268	17	1.818.000.000	-
VI.	Lợi thế thương mại	269		3.544.043.212	3.576.931.955
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.725.198.193.661	1.476.667.743.132

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		801.935.297.024	558.987.388.235
I.	Nợ ngắn hạn	310		293.189.594.122	140.725.339.872
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	18	196.111.991.083	64.798.908.128
2.	Phải trả cho người bán	312		11.455.971.181	7.381.383.501
3.	Người mua trả tiền trước	313		2.408.889.372	1.474.847.389
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	12.177.468.955	18.016.278.820
5.	Phải trả người lao động	315		7.282.261.302	3.420.750.095
6.	Chi phí phải trả	316	20	8.697.683.849	6.384.820.763
7.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	21	43.023.738.258	26.852.116.256
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.031.590.122	12.396.234.920
II.	Nợ dài hạn	330		508.745.702.902	418.262.048.363
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		259.770.187	-
2.	Vay và nợ dài hạn	334	22	508.238.424.422	418.089.329.715
3.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		247.508.293	154.338.601
4.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	18.380.047
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		695.404.535.441	733.933.828.323
I	Vốn chủ sở hữu	410		695.404.535.441	733.933.828.323
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	522.871.860.000	522.871.860.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	23	103.154.918.653	103.154.918.653
3.	Cổ phiếu quỹ	414	23	(1.986.517.906)	(1.945.608.839)
4.	Quỹ đầu tư phát triển	417	23	22.181.101.856	20.026.584.306
5.	Quỹ dự phòng tài chính	418	23	3.797.109.478	1.897.904.504
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	23	45.386.063.360	87.928.169.699
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
C	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		227.858.361.196	183.746.526.574
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		1.725.198.193.661	1.476.667.743.132

CÁC CHI TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2013	31/12/2012
1.	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	241.376.011	216.319.686
2.	Ngoại tệ các loại - USD	202,33	201,79

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	24	307.897.810.435	1.021.919.027.608
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10	24	307.897.810.435	1.021.919.027.608
4. Giá vốn hàng bán	11	25	118.162.773.573	693.615.548.813
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		189.735.036.862	328.303.478.795
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	33.775.833.715	53.637.407.930
7. Chi phí tài chính	22	27	97.895.669.769	135.743.722.087
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	78.326.794.941	125.243.353.278
8. Chi phí bán hàng	24		12.022.911	10.111.099.638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		30.297.737.756	43.074.917.915
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		95.305.440.141	193.011.147.085
11. Thu nhập khác	31	28	7.382.444.733	5.182.487.787
12. Chi phí khác	32	29	4.588.793.025	760.047.512
13. Lợi nhuận khác	40		2.793.651.708	4.422.440.275
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		6.477.260.592	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	104.576.352.441	197.433.587.360
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	14.528.463.763	27.679.648.509
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(981.439.869)	(1.049.406.053)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30	91.029.328.547	170.803.344.904
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		39.074.305.865	67.460.751.654
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		51.955.022.682	103.342.593.250
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	993,65	2.511,73

3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	367.393.571.169	1.088.789.003.396
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(75.239.764.610)	(793.203.492.691)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(39.787.832.091)	(65.024.340.286)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(58.019.580.471)	(142.368.604.238)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05	(19.340.557.112)	(18.704.691.542)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	46.624.843.334	80.249.761.840
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(154.780.499.313)	(274.641.718.053)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.850.180.906	(124.904.081.574)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(279.425.398.780)	(110.257.208.956)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	1.710.958.625	395.330.240
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.497.274.512)	(353.958.750.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	22.015.400.000	355.989.336.215
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(49.131.286.861)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	28.526.928.926	79.427.622.284
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	28.334.761.212	24.350.432.888
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(253.465.911.390)	(4.053.237.329)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	315.523.116.000
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	(5.509.423.390)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	439.302.311.405	686.256.550.592
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(234.798.908.181)	(718.118.421.030)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(93.365.409.879)	(109.442.338.787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	111.137.993.345	168.709.483.385
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(75.477.737.139)	39.752.164.482
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	105.565.829.591	65.814.046.815
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	56.593	(381.706)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	30.088.149.045	105.565.829.591

4. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Điện Gia Lai theo Quyết định số 821/QĐ-UBND ngày 01/6/2010 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900181213 ngày 09/09/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05/11/2013.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán xuất nhập khẩu máy móc thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác; Máy móc thiết bị để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, khai khoáng, xây dựng, thiết bị máy văn phòng.
- Trồng cây cao su;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: Xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp, thủy điện, xây dựng đập đê, đập đường và các công trình khác;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà các loại
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn khảo sát, thiết kế, thi công các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế thi công đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống); Giám sát thi công xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ, đường dây và trạm biến áp (có cấp điện áp từ 110KV trở xuống);
- Sản xuất đường;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh: Sản xuất rượu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp: Mua bán vật tư, thiết bị và phụ tùng chuyên ngành mía đường;
- Trồng cây mía; Chăn nuôi trâu, bò;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Mua bán phân bón các loại;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Điều hành tua du lịch;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa phân vào đâu được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách; hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch;
- Cung ứng lao động tạm thời: Cung ứng, cho thuê lao động, công nhân vận hành các máy móc, thiết bị kỹ thuật, máy móc, thiết bị điện;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng, cho thuê lao động, công nhân vận hành các máy móc, thiết bị kỹ thuật, máy móc, thiết bị điện;
- Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội): Đầu tư tài chính;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng kèm người điều khiển;
- Làm dịch vụ cho các hộ nông dân trồng nguyên liệu phục vụ cho nhà máy chế biến đường.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 bao gồm Công ty mẹ, 11 Công ty con và 1 Công ty liên kết.

Các Công ty con được hợp nhất (gồm 11 công ty)

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Tây Nguyên

- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất điện năng, kinh doanh bán điện; Kinh doanh dịch vụ thiết bị kỹ thuật điện; Đầu tư, xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 35KV trở xuống; Xây dựng nhà các loại (mã ngành 4100); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (mã ngành 4290); Xây dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông; Trồng cây cao su (mã ngành 0125); Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su (mã ngành 2212); Chế biến nông sản (trừ mủ cao su); Mua bán bất động sản; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (mã ngành 5510); Kinh doanh dịch vụ du lịch nội địa.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 65,11%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 65,11%.

2. Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 28 Phạm Văn Đồng, Phường Hoa Lư, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh các loại cột điện bê tông ly tâm, ống cống bê tông ly tâm các loại và các cấu kiện bê tông đúc sẵn; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng các loại, gia công cơ khí và mạ kẽm; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng; Xây dựng công trình thủy điện; Xây

dựng công trình thủy lợi; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng đường dây điện và trạm biến áp từ 35 KV trở xuống; Kinh doanh vận tải hàng hóa.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%.

3. Công ty Cổ phần AYun Thương

- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện năng; Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng công trình thủy điện, thủy lợi; Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng các công trình xây dựng thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng các công trình điện; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35 KV và xây dựng công trình công nghiệp; Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 97,54%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 97,54%.

4. Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 28 Phạm Văn Đồng, Phường Hoa Lư, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Giám sát thi công xây dựng các công trình xây dựng dân dụng – công nghiệp; Giám sát thi công xây dựng công trình xây dựng thủy lợi – thủy điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 53,49%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 53,49%.

5. Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện; Thi công lắp đặt đường dây tải điện và trạm biến áp đến 110KV; Thi công xây dựng lắp đặt thiết bị điện các công trình vừa và nhỏ, điện chiếu sáng đô thị; Thi công lắp đặt hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp và các công trình khác; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Trồng cây cao su; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình giao thông đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế cơ điện công trình; Tư vấn lập dự án, khảo sát, thiết kế đường dây điện đến 35KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình điện.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 83,07%.

- Quyền biểu quyết của Công ty: 83,07%.

6. Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc AYun Hạ

- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Thiết kế, giám sát các công trình thủy lợi, thủy điện); Xây dựng công trình công ích (Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 60,48%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 60,48%.

7. Công ty TNHH GKC

- Địa chỉ trụ sở chính: 478 Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. (Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. (Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, điện, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật); Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cung ứng lao động tạm thời (lao động trong nước); Cung ứng và quản lý nguồn lao động (lao động trong nước); Kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 81,39%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 81,39%.

8. Công ty TNHH MTV Tư vấn & Phát triển năng lượng Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Tư vấn thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, thủy điện; Tư vấn thiết kế cơ điện công trình; Tư vấn giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình điện; Tư vấn thiết kế hệ thống điện, đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn lập quy hoạch, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, công trình cơ khí, đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Tư vấn khảo sát địa hình; Tư vấn thiết kế công trình xây dựng cầu đường).
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%.

9. Công ty TNHH MTV Cơ điện Diên Phú

- Địa chỉ trụ sở chính: 28 Phạm Văn Đồng, Phường Hoa Lư, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Hoạt động chính của Công ty là: Gia công cơ khí (Chi tiết: Gia công sản phẩm cơ khí trong các lĩnh vực năng lượng: thủy điện, nhiệt điện, phong điện; lĩnh vực công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp); xử lý và tráng phủ kim loại; Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn (Chi tiết: Sửa chữa sản phẩm kim loại đúc sẵn trong các lĩnh vực

năng lượng; thủy điện, nhiệt điện, phong điện; lĩnh vực công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp); Sửa chữa thiết bị điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Sửa chữa máy móc, thiết bị (Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị trong các lĩnh vực năng lượng: thủy điện, nhiệt điện, phong điện; lĩnh vực công nghiệp, lâm nghiệp, nông nghiệp); Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế, máy móc thiết bị phụ tùng khai khoáng); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%.

10. Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ

- Địa chỉ trụ sở chính: 111 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ đang trong giai đoạn đầu tư
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 57,14%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 57,14%.

11. Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú

- Địa chỉ trụ sở chính: 111 Phạm Văn Đồng, Phường Võ Dạ, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam.
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. (Chi tiết: giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, thiết kế các công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, kỹ sư định giá hạng 2); Lập dự án đầu tư và quy hoạch các công trình thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật; Thẩm tra dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế, thẩm tra dự toán công trình thủy lợi – thủy điện; Quản lý dự án các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi – thủy điện, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và lựa chọn nhà thầu.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú đang trong giai đoạn đầu tư
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,66%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 39,66%.

Công ty Liên kết

✓ Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt điện Gia Lai

- Địa chỉ trụ sở chính: 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã AYunpa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

- Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất đường và các sản phẩm sau đường: mật rỉ, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Chế biến hàng nông sản (trừ mủ cao su); Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre nứa và mủ cao su); Kinh doanh vận tải hàng hóa; Gia công cơ khí; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Sản xuất phân bón và gạch tuynen; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chứng, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,29%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 29,29%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi và lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần

lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Các cơ sở kinh doanh chịu đồng kiểm soát là các cơ sở kinh doanh mà Công ty cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận. Khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát và ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày Công ty kết thúc quyền đồng kiểm soát.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư có thời hạn đáo hạn không quá 12 tháng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác mà Công ty nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết, đầu tư trái phiếu, cho vay vốn và các khoản đầu tư dài hạn khác mà thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với

việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm kết thúc năm.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.8 Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Mức khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc thiết bị	5 – 23
Phương tiện vận tải	5 – 23
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10
Tài sản khác	10 - 17

4.9 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là năm năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng (+) các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3 - 8

4.10 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.13 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp:
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành.
 - ✓ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng

như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.15 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động bán điện và xây lắp, cột bê tông; các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%.
- Đối với 1 số dự án tại Công ty Mẹ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng dự án và theo quy định tại Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ về Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN. Cụ thể như sau:

✓ Nhà máy thủy điện Ia Đrăng 2:

- Công trình Cải tạo và nâng cấp Nhà máy Thủy Điện Ia Đrăng 2: Áp dụng mức thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%, được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2003 đến năm 2006) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2007 đến năm 2013). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2169/GCN-UB ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai. Theo Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính, mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện nay của dự án 10%.
- Công trình Cải tạo và nâng cấp lưới Điện Thị trấn và Công ty Cao su Chư Prông: Áp dụng Thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2003 đến năm 2006) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2007 đến năm 2013). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 1749/GCN-UB ngày 10 tháng 09 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai.
- Công trình Đường dây 35KV xuất tuyến 371/F7 Chư Prông – Trà Bá: Áp dụng thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, được miễn 4 năm từ khi có thu

nhập chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2009) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2010 đến năm 2016). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 400/GCN-UB ngày 16 tháng 03 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai.

- ✓ Công trình xây dựng Nhà máy Thủy điện Ia Đrăng 3: Áp dụng mức thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%, được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2167/GCN-UB ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai. Theo Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính, mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện nay của dự án 10%.
- ✓ Công trình xây dựng Nhà máy thủy điện Ia Meur 3: Áp dụng mức thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%, được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2005 đến năm 2008) và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2009 đến năm 2015). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2168/GCN-UB ngày 24 tháng 11 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai. Theo Công văn số 111684/BTC-TCT ngày 16/09/2005 hướng dẫn về việc chuyển thuế suất thuế TNDN của Bộ Tài chính, mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện nay của dự án 10%.
- ✓ Nhà máy Thủy điện ĐaKhai: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10%, được miễn 4 năm từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến 2014) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến 2023). Ưu đãi này được quy định trong Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 626BKH/PTDN ngày 28/01/2005 của UBND Tỉnh Lâm Đồng và thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012, công văn số 11005/TCT-TCKT ngày 14/05/2013 và CV 1282/CT-TTHT ngày 24/05/2013
- Đối với Công ty Cổ phần Điện Cao su Gia Lai: Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Ngoài ra, Công ty được hưởng ưu đãi đối với các dự án đầu tư như sau:
 - ✓ Đối với dự án thủy điện IaPuch3: Được miễn thuế TNDN trong 04 năm (từ năm 2009 đến năm 2012) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2013 đến năm 2019) cho phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại. (Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000023 ngày 30/05/2007).
 - ✓ Đối với dự án thủy điện ĐăkPiHao2: Được miễn thuế TNDN trong 04 năm (từ năm 2008 đến năm 2011) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2018) cho phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại. (Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000022 ngày 30/05/2007).
- Đối với dự án Thủy điện IaĐrăng 1 tại Công ty Cổ phần Điện Tây Nguyên: Áp dụng mức thuế suất là 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2002 đến năm 2016), được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002 đến năm 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). Những ưu đãi trên đây được quy định tại Nghị định 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ.
- Đối với Công ty Cổ phần Ayun Thượng: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn là 15 năm kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011 là năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi). Công ty được miễn thuế trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm

2011 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ năm 2011-2014) và giảm trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 - 2023). Các khoản thu nhập khác áp dụng theo mức thuế suất theo quy định hiện hành.

➤ Đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ

- ✓ Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% lợi nhuận thu được trong 6 tháng đầu năm 2013 áp dụng thuế suất 20% lợi nhuận thu được của 6 tháng cuối năm 2013 do đáp ứng điều kiện là tổng doanh thu của năm 2012 không quá 20 tỷ đồng;
- ✓ Công ty được miễn 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo cho phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại. Các khoản thu nhập khác áp dụng theo mức thuế suất quy định hiện hành.

➤ Đối với Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

✓ Dự án thủy điện H'Chan

- Áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh. Hết thời hạn áp dụng mức thuế suất ưu đãi, Công ty áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại, do đó Công ty được miễn thuế trong 4 năm (2006 - 2009) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (2010 - 2018).

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định tại Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 2049/GCN-UB ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai và Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.16 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	95.857.775	128.892.602
Tiền gửi ngân hàng	26.332.291.270	39.067.681.400
Tiền đang chuyển	-	48.750.035.589
Các khoản tương đương tiền	3.660.000.000	17.619.220.000
Cộng	30.088.149.045	105.565.829.591

6. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	276.978.256.422	264.930.121.533
Cho vay ngắn hạn	343.858.552	380.249.272
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(21.905.165.692)	(3.073.010.522)
Cộng	255.416.949.282	262.237.360.283

(*) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn đối với các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2013.

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải thu dự án khí thải CDM	36.862.961	2.000.000
Bảo hiểm xã hội, BHYT nộp thừa	2.429.388	13.531.560
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	-	150.486.122
Lãi dự thu	-	76.730.905
Phải thu tiền lãi cho vay vốn, lãi liên doanh	6.278.732	45.480.335
Phải thu khác	5.152.593.267	2.010.546.401
- Hỗ trợ lãi suất, lãi dự thu	1.250.000	478.201.000
- Thuế TNCN	-	71.081.563
- Phải thu khác	5.151.343.267	1.461.263.838
Cộng	5.198.164.348	2.298.775.323

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.990.522.416	3.268.059.640
Công cụ, dụng cụ	1.648.356.074	1.490.893.236
Chi phí SXKD dở dang	7.553.858.433	910.004.258
Thành phẩm	1.291.335.477	2.165.173.715
Cộng	15.484.072.400	7.834.130.849

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.496.937	74.665.000
Chi phí ngắn hạn chờ phân bổ	1.779.710.400	174.324.868
Cộng	1.795.207.337	248.989.868

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	419.644.691	8.576.987
- Thuế thu nhập DN	418.411.703	6.576.987
- Thuế TNCN	680.784	-
- Thuế khác	552.204	2.000.000
Cộng	419.644.691	8.576.987

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tạm ứng	7.037.726.657	5.050.136.291
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	158.660.000	15.300.000
Cộng	7.196.386.657	5.065.436.291

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, Vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số đầu năm	423.242.374.099	368.528.939.306	128.852.178.096	2.720.257.085	167.062.891.319	1.090.406.639.905
Tăng trong năm	3.082.612.023	54.719.566.953	7.892.893.570	463.616.691	156.796.169.532	222.954.858.769
Tăng do HN	-	12.000.000	1.312.811.923	342.716.023	143.690.869	1.811.218.815
Giảm trong năm	505.432.040	431.809.296	2.111.083.022	1.845.227.330	187.798.459	5.081.350.147
Giảm do HN		32.690.220		-	-	32.690.220
Phân loại lại	105.033.796.064	-	-	-	(105.033.796.064)	-
Số cuối năm	530.853.350.146	422.796.006.743	135.946.800.567	1.681.362.469	218.781.157.197	1.310.058.677.122
Khấu hao						
Số đầu năm	54.370.722.608	68.983.014.719	23.549.097.495	1.160.153.361	35.184.795.425	183.247.783.608
KH trong năm	23.212.246.929	20.038.241.902	8.766.402.498	309.764.568	6.139.259.743	58.465.915.640
Tăng do HN	-	7.150.000	850.414.902	234.910.115	77.678.810	1.170.153.827
Giảm trong năm	280.805.410	134.643.787	1.941.910.581	828.789.299	123.375.579	3.309.524.656
Phân loại lại	4.093.991.139	-	-	-	(4.093.991.139)	-
Số cuối năm	81.396.155.266	88.893.762.834	31.224.004.314	876.038.745	37.184.367.260	239.574.328.419
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	368.871.651.491	299.545.924.587	105.303.080.601	1.560.103.724	131.878.095.894	907.158.856.297
Số cuối năm	449.457.194.880	333.902.243.909	104.722.796.253	805.323.724	181.596.789.937	1.070.484.348.703

- ✓ Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2013 là 1.945.272.097 đồng.
- ✓ Giá trị còn lại của TSCĐ được dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2013: 737.330.108.006 đồng.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài VND	Quyền sử dụng có thời hạn VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.121.850.000	371.120.000	441.107.975	1.934.077.975
Tăng trong năm	-	-	80.000.000	80.000.000
Giảm trong năm	-	-	45.200.000	45.200.000
Số cuối năm	1.121.850.000	371.120.000	475.907.975	1.968.877.975
Khấu hao				
Số đầu năm	-	20.857.525	260.114.617	280.972.142
KH trong năm	-	8.630.699	27.780.157	36.410.856
Giảm trong năm	-	-	45.200.000	45.200.000
Số cuối năm	-	29.488.224	242.694.774	272.182.998
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.121.850.000	350.262.475	180.993.358	1.653.105.833
Số cuối năm	1.121.850.000	341.631.776	233.213.201	1.696.694.977

- ✓ Giá trị còn lại của TSCĐ được dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2013: 1.463.481.775 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
DA thủy điện Alin B1	60.981.036.400	-
Công trình xây dựng Nhà máy thủy điện ĐăkPiHao1	68.314.022.483	15.902.038.487
Công trình khu SX Diên Phú	928.960.074	928.960.074
Ngăn xuất tuyến 35KV-TBA 110KV Ayun Pa	1.065.937.469	1.065.937.469
SC Cải tạo nhà làm việc 28 PVD	-	36.818.182
Tiền mua đất khu CN Diên Phú	3.884.178.000	3.863.178.000
Dự án Cụm thủy điện ĐăkLô - Kon Tum	415.762.969	80.227.250
Hệ thống đo đếm NM Ayun Hạ	167.770.000	-
Phần mềm kế toán FAST	205.000.000	45.000.000
DA Thủy điện Thượng Lộ	924.831.545	-
Cộng	136.887.498.940	21.922.159.462

15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	68.877.613.937	68.871.402.803
- Công ty CP đường Nhiệt điện Gia Lai	68.877.613.937	68.871.402.803
Đầu tư dài hạn khác	3.670.483.756	14.200.483.756
- Công ty CP Trường Phú (liên doanh tỷ lệ 50:50) (*)	3.670.483.756	3.670.483.756
- Công ty CP Thủy điện Trường Phú	-	10.530.000.000
Cộng	72.548.097.693	83.071.886.559

(*) Công ty này đang trong giai đoạn đầu tư nên không trích lập dự phòng.

16. Chi phí trả trước dài hạn

Tổng chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31/12/2013 là: 28.404.777.691 đồng. Trong đó, giá trị còn lại của lợi thế kinh doanh (được hình thành từ việc định giá doanh nghiệp nhà nước theo phương pháp tài sản để cổ phần hoá Công ty Mẹ) là 14.219.857.756 đồng (giá trị ban đầu tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần là 21.329.786.636 đồng). Giá trị lợi thế kinh doanh này được Công ty phân bổ vào chi phí trong vòng 10 năm theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị tại tờ trình số 05/2011/TT-TCKT ngày 30/3/2011. Theo đó, số hạch toán vào chi phí trong kỳ là 2.132.978.664 đồng.

17. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Khoản ký quỹ môi trường	1.818.000.000	-
Cộng	1.818.000.000	-

18. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	121.700.000.000	12.880.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương_CN Gia Lai	42.700.000.000	12.880.000.000
- Ngân hàng TMCP Phương Đông_CN Đắk Lắk	35.900.000.000	-
- Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai	42.000.000.000	-
- Vay cá nhân	1.100.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	74.411.991.083	51.918.908.128
- Ngân hàng NN và PTNT - Chi nhánh Gia Lai	30.309.999.947	23.080.000.000
- Vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển	16.650.491.136	-
- Ngân hàng ĐT và PT - Chi nhánh Gia Lai	9.200.000.000	8.450.000.000
- Ngân hàng Phát triển - CN Gia Lai	-	16.627.408.128
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- CN Gia Lai	14.490.000.000	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	3.761.500.000	3.761.500.000
Cộng	196.111.991.083	64.798.908.128

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	3.132.587.465	5.117.125.789
Thuế thu nhập cá nhân	324.993.682	500.290.103
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.794.581.357	11.194.839.990
Thuế tài nguyên	1.237.119.215	457.939.892
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	688.187.236	746.083.046
Cộng	12.177.468.955	18.016.278.820

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi vay phải trả	636.630.109	485.334.499
Trích trước chi phí môi trường rừng	7.434.426.560	5.882.849.900
Chi phí khác	626.627.180	16.636.364
Cộng	8.697.683.849	6.384.820.763

21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thừa chờ xử lý	22.640.396	22.640.396
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	213.158.101	58.149.274
Kinh phí công đoàn	72.319.283	45.474.508
Phải trả quỹ môi trường rừng	486.235.880	-
Cổ tức phải trả	9.204.231.368	2.796.129.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	33.025.153.230	23.929.722.478
- Tổng Công ty Điện lực miền Trung	900.000.000	-
- Phải trả trái chủ lãi trái phiếu	3.132.560	-
- Phải trả thù lao người đại diện vốn	1.244.064.751	-
- Lãi vay còn phải trả	6.511.397.714	3.696.595.596
- Các khoản phải trả khác	24.366.558.205	20.233.126.882
Cộng	43.023.738.258	26.852.116.256

22. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	508.238.424.422	418.089.329.715
- Ngân hàng NN và PTNT - CN Gia Lai (1)	248.127.741.172	112.219.575.265
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Gia Lai (2)	35.800.000.000	45.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển - CN Gia Lai (3)	40.117.116.613	66.567.946.801
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Gia Lai (4)	120.750.000.000	135.240.000.000
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (5)	33.853.500.000	37.615.000.000
- Vay Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông (i)	8.241.275.904	8.241.275.904
- Vốn ODA tại Ngân hàng Phát triển	9.921.524.220	-
- Vay đối tượng khác (i)	11.427.266.513	13.205.531.745
Cộng	508.238.424.422	418.089.329.715

(1) Vay Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Tỉnh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng số 75/HĐTD ngày 17/10/2003 để đầu tư cho Dự án Thủy điện Iađrăng

3, Huyện Chưprông, Tỉnh Gia Lai. Theo đó, thời hạn vay của hợp đồng là 156 tháng (13 năm) kể từ ngày 17 tháng 10 năm 2003, hạn cuối là ngày 17 tháng 10 năm 2016. Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 0,77%/tháng. Lãi suất tiền vay định kỳ 3 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT phát hành cộng với phí 2%/ năm (0,17%/tháng) – Lãi suất cụ thể cho từng lần rút vốn được thể hiện tại Phụ lục hợp đồng hoặc Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng này. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay theo từng lần điều chỉnh tính trên dư nợ thực tế quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 1,155%/tháng. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính Công trình thủy điện Iađrăng 3.

- Hợp đồng tín dụng số 77/HĐTD ngày 27/10/2003 để đầu tư cho dự án Công trình Thủy điện IaMeur, Huyện Chưprông, Tỉnh Gia Lai. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 156 tháng (13 năm) kể từ ngày 27 tháng 10 năm 2003, hạn cuối là ngày 27 tháng 10 năm 2016. Lãi suất tiền vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 0,8%/tháng. Lãi suất tiền vay định kỳ 3 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT phát hành cộng với phí 2,4%/ năm (0,2%/tháng) – Lãi suất cụ thể cho từng lần rút vốn được thể hiện tại Phụ lục hợp đồng hoặc Giấy nhận nợ kèm theo Hợp đồng này. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay theo từng lần điều chỉnh tính trên dư nợ thực tế quá hạn, lãi suất nợ quá hạn là 1,2%/tháng. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính Công trình Thủy điện IaMeur3, phần còn thiếu áp dụng biện pháp cho vay không bảo đảm bằng tài sản.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 45/HĐTD ngày 29/08/2006 để đầu tư cho dự án xây dựng Công trình Thủy điện Ia Puch 3. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 144 tháng (12 năm) kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Thời gian ân hạn là 24 tháng (2 năm). Lãi suất cho vay không cố định, định kỳ 6 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Gia Lai công bố cộng với phí ngân hàng là 0,25%/tháng (3%/năm). Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay đang được áp dụng tính trên số dư nợ thực tế quá hạn. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính Công trình thủy điện Ia Puch 3. Công ty đang làm thủ tục điều chỉnh tài sản thế chấp với Ngân hàng.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 36/2006/HĐTD ngày 01/12/2006, Phụ lục sửa đổi HĐTD ngày 17/03/2008 và Phụ lục sửa đổi HĐTD ngày 21/09/2008 để đầu tư cho dự án xây dựng Công trình Thủy điện H'Mun. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 144 tháng (12 năm) kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay không cố định, định kỳ 3 tháng điều chỉnh một lần. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Theo Biên bản thỏa thuận về việc tiếp nhận nợ vay Ngân hàng ngày 01/10/2007 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Gia Lai và Công ty Điện Gia Lai. Theo đó Công ty Điện Gia Lai tiếp nhận nợ vay và kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ theo các Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng, văn bản thỏa thuận của Công ty Mía đường Gia Lai đã ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT.
- Hợp đồng tín dụng số 277/HĐTD ngày 26/10/2012 để đầu tư cho dự án xây dựng Công trình Thủy điện ĐăkPiHao 1. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 144 tháng (12 năm) kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Thời gian ân hạn là 24 tháng (2 năm). Lãi suất cho vay có điều chỉnh, định kỳ 3 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tỉnh Gia Lai công bố cộng với 4%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm áp dụng. Thời hạn trả nợ là 120 tháng kể từ ngày hết thời hạn rút vốn. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản hành thành trong tương lai để đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện ĐăkPiHao 1.
- Hợp đồng tín dụng số 179/HĐTD ngày 13/08/2013 để thanh toán một phần chi phí thực

hiện nhận chuyển nhượng dự án thủy điện Đa Khai. Số tiền cho vay là 150.500.000.000 đồng với thời hạn vay là 8 năm kể từ ngày nhận tiền lần vay đầu tiên. Lãi suất cho vay có điều chỉnh, định kỳ 3 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Bên cho vay công bố cộng với 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay tại thời điểm áp dụng. Khoản vay vốn này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản hành thành trong tương lai để mua lại Hệ thống nhà máy thủy điện Đa Khai.

(2) Vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển_Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2006/HĐ ngày 06/03/2006 để đầu tư cho Dự án xây dựng Thủy điện ĐăkPiHao 2. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 132 tháng kể từ ngày Bên Vay rút khoản vốn đầu tiên cho đến khi Bên Vay trả hết nợ gốc, nợ lãi bao gồm: Thời gian ân hạn nợ gốc là 24 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên; và thời gian trả nợ gốc là 108 tháng. Lãi suất cho vay không cố định, định kỳ 6 tháng điều chỉnh 1 lần: được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Gia Lai công bố cộng 3%/năm, nhưng không thấp hơn 10,2% năm tương ứng với số vốn ủy thác tham gia. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn kể từ ngày chuyển sang quá hạn cho đến khi Bên Vay trả hết nợ quá hạn. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng chính Công trình Thủy điện ĐăkPiHao 2. Công ty đang làm thủ tục điều chỉnh tài sản thế chấp với Ngân hàng.
- Hợp đồng tín dụng trung hạn, dài hạn số 01/2009/HĐ ngày 05/06/2009. Theo đó, mục đích của khoản vay là để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Kênh Bắc Ayun Hạ, thời hạn vay là 9 năm kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Lãi suất vay được xác định bằng lãi suất nội bộ do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông báo trong từng thời kỳ cộng thêm phí ngân hàng là: 2,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay của hợp đồng tín dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Hình thức bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án theo hợp đồng bảo đảm tiền vay.

(3) Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai:

- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 08/2006/HĐTD ngày 11/08/2006 và Phụ lục sửa đổi HĐTD số 08B/2008/HĐSĐBS ngày 01/07/2008 để đầu tư cho dự án xây dựng Công trình Thủy điện H'Mun. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 144 tháng (12 năm) kể từ ngày rút khoản vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay là 8,4%/năm. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng dài hạn vốn ODA số 02/2006/TDNN-ODA ngày 27/09/2006 để đầu tư mua sắm vật tư, thiết bị TBA nhà máy và các dụng cụ kỹ thuật cho dự án xây dựng Công trình Thủy điện H'Mun. Theo đó thời hạn vay của hợp đồng là 156 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay là 1,7%/năm. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(4) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo hợp đồng tín dụng số 01/2009/AJS.CO-HĐTD ngày 16/03/2009. Theo đó, mục đích của khoản vay là để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Thủy điện Ayun Thượng 1A, thời hạn vay là 12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày giải ngân đầu tiên là 30/12/2009). Lãi suất vay hàng năm bằng tổng của lãi suất tham chiếu và ba phẩy sáu phần trăm một năm (3,6%/năm), “lãi suất tham chiếu” có nghĩa là, đối với mỗi kỳ hạn tính lãi là lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền đồng kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của bên cho vay, được xác định vào ngày xác định lãi suất tương ứng. Nợ gốc được thanh toán thành 20 kỳ, kỳ thanh toán đầu tiên là sau 30 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là các công trình Dự án và các bất động sản khác (cho dù đang có hay sẽ hình thành trong tương

lai) của bên vay liên quan đến Dự án.

(5) Vay dài hạn Tổng Công ty Điện lực Miền Trung theo hợp đồng tín dụng số 08/HĐTD ngày 31/12/2008. Theo đó, mục đích của khoản vay là để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Thủy điện H'Chan, thời hạn vay là 15 năm kể từ năm 2009. Áp dụng lãi suất có điều chỉnh 6 tháng một lần. Không có tài sản thế chấp vay.

(i) Vay dài hạn Công ty TNHH MTV Cao su Chư Prông và các cổ đông nhỏ lẻ theo các hợp đồng vay vốn số: 01A/2012/HĐVV, 01B/2012/HĐVV, 01C/2012/HĐVV, 01D/2012/HĐVV, 04A/2012/HĐVV ngày 19/01/2012. Thời gian vay 10 năm kể từ ngày 01/01/2012 hoặc khi có quyết định chuyển đổi chứng nhận nợ sang cổ phiếu theo thỏa thuận của các bên. Mục đích vay: đầu tư cho 2 nhà máy thủy điện IaPuch3 và ĐăkPiHao2, lãi suất cho vay theo quyết định của Hội đồng quản trị, năm 2013 là 12%/tổng giá trị nhận nợ (cụ thể bằng 12% x tổng giá trị nhận nợ x 365/360).

23. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn CP VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	261.435.930.000	50.867.732.653	(25.833.003.301)	381.706	26.204.914.574	7.674.474.386	42.249.126.519
Tăng trong năm	261.435.930.000	52.287.186.000	(1.945.608.839)	364.836	12.117.717.109	6.526.253.022	103.342.593.250
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	511.114.481
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	18.138.202.457	7.348.029.269	43.297.259.078
Giảm trong năm	-	-	25.833.003.301	746.542	157.844.920	4.954.793.635	14.877.405.473
Số dư tại 31/12/2012	522.871.860.000	103.154.918.653	(1.945.608.839)	-	20.026.584.306	1.897.904.504	87.928.169.699
Số dư tại 01/01/2013	522.871.860.000	103.154.918.653	(1.945.608.839)	-	20.026.584.306	1.897.904.504	87.928.169.699
Tăng trong năm	-	-	(40.909.067)	65.973.819	4.501.303.712	2.053.259.234	51.955.022.682
Giảm trong năm	-	-	-	65.973.819	1.701.416.214	154.054.260	85.683.765.253
Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	645.369.948	-	8.813.363.768
Số dư tại 31/12/2013	522.871.860.000	103.154.918.653	(1.986.517.906)	-	22.181.101.856	3.797.109.478	45.386.063.360

b. Cổ phiếu

	31/12/2013 Cổ phiếu	31/12/2012 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	52.287.186	52.287.186
- Cổ phiếu thường	52.287.186	52.287.186
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	52.287.186	52.287.186
- Cổ phiếu thường	52.287.186	52.287.186
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	52.287.186	52.287.186
- Cổ phiếu thường	52.287.186	52.287.186
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND		

24. Doanh thu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng doanh thu	307.897.810.435	1.021.919.027.608
Doanh thu bán điện	293.333.452.373	296.151.153.415
Doanh thu hoạt động SX trụ bê tông ly tâm	5.203.689.449	5.285.718.813
Doanh thu hoạt động xây lắp	4.036.419.202	25.327.972.721
Doanh thu bán hàng hóa	-	590.314.553.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.875.833.411	2.334.197.736
Doanh thu mật rỉ	-	35.648.471.616
Doanh thu bã bùn	-	2.018.136.383
Doanh thu mía giống	-	2.173.181.166
Doanh thu phân bón	-	61.669.544.856
Doanh thu khác	448.416.000	996.097.118
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	307.897.810.435	1.021.919.027.608

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán điện	107.570.752.298	106.166.374.443
Giá vốn bán hàng SX trụ bê tông ly tâm	4.099.437.354	3.605.207.865
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.382.040.536	23.896.450.007
Giá vốn bán hàng hóa	-	458.836.672.759
Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	2.522.171.781	925.477.651
Giá vốn mật rỉ	-	33.523.793.837
Giá vốn bã bùn	-	1.811.785.204
Giá vốn mía giống	-	2.173.180.920
Giá vốn phân bón	-	62.116.204.056
Các sản phẩm khác	588.371.604	560.402.071
Cộng	118.162.773.573	693.615.548.813

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.102.276.367	12.437.430.413
Thu lãi từ đầu tư ngắn và dài hạn	-	17.940.689.002
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư, đầu tư chứng khoán	5.741.453.536	21.060.380.408
Lãi được chia từ liên doanh	-	48.416.468
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.745.977.734	2.150.130.439
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	85.326.078	361.200
Chiết khấu thanh toán được hưởng	100.800.000	-
Cộng	33.775.833.715	53.637.407.930

27. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	78.326.794.941	125.243.353.278
Lỗ Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	77.446.611	33.617.734
Lỗ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	121.185.168	-
Dự phòng đầu tư tài chính	18.832.155.170	3.073.010.522
Lỗ trong hoạt động đầu tư	269.309.843	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	268.778.036	7.393.740.553
Cộng	97.895.669.769	135.743.722.087

28. Thu nhập khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu thanh lý TSCĐ, CCDC	1.060.062.799	1.564.909.091
Hàng thừa trong kiểm kê	-	107.107.414
Thanh lý, nhượng bán vật tư, công cụ dụng cụ	446.063.604	1.015.905.909
Thu nhập cho thuê tài sản	-	191.390.430
Thu tiền phạt do vi phạm hợp đồng	1.066.091.600	244.312.000
Thu phí chuyển nhượng cổ phần	17.198.665	37.810.115
Cho thuê mặt bằng, vườn tiêu, máy đào	592.437.182	10.909.092
Thu khác	4.200.590.883	2.010.143.736
Cộng	7.382.444.733	5.182.487.787

29. Chi phí khác

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	128.123.946	-
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	78.532.727
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	637.013.028	330.134.766
Thanh lý vật tư, phế liệu	692.060.087	-
Truy thu thuế GTGT, thuế nhà thầu	318.551.522	-
Chi phí mời thầu	8.181.819	-
Nộp phạt thuế, phạt nộp chậm	1.285.595.392	3.914.775
Chi phí cho thuê mặt bằng	645.705.626	-
Chi phí khác	873.561.605	347.465.244
Cộng	4.588.793.025	760.047.512

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.576.352.441	197.433.587.360
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm LN chịu thuế TNDN	(17.688.461.872)	29.795.466.307
- Các khoản điều chỉnh tăng LN chịu thuế TNDN	12.942.636.518	32.724.457.268
+ Chi thù lao HĐQT, BKS không điều hành trực tiếp	1.726.858.334	1.815.846.017
+ Điều chỉnh dự phòng đã hoàn nhập	-	7.039.647.435
+ Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác	585.608.698	17.736.846
+ Lỗ tại công ty con	-	1.976.559
+ Chi phí cho hoạt động đầu tư vốn	7.536.114.448	1.396.274.831
+ Phân bổ lợi thế thương mại trên hợp nhất	(3.549.017.415)	6.806.286.621
+ Lỗ từ thanh lý công ty con	-	16.385.839.354
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.045.326.446	1.236.457.080
+ Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	5.464.527.999	(2.054.097.317)
+ Chi phí khấu hao của TSCĐ có chứng từ không hợp lệ	133.218.008	78.489.842
- Các khoản điều chỉnh giảm LN chịu thuế TNDN	30.631.098.390	2.928.990.961
+ Chuyển lỗ	-	84.876.130
+ Cổ tức nhận được	22.745.977.734	2.150.130.439
+ Lãi trong công ty liên kết	6.477.260.592	-
+ Lợi nhuận nội bộ đã thực hiện	1.407.860.064	693.984.392
Tổng thu nhập tính thuế	86.887.890.569	227.229.053.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	19.870.849.165	38.763.585.656
Thuế TNDN được miễn giảm	5.375.579.448	11.083.937.147
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm theo dự án	5.375.579.448	9.043.294.381
+ Thuế TNDN được miễn, giảm thuộc liên doanh	-	119.299.510
+ Thuế TNDN được miễn, giảm thuộc Công ty	5.375.579.448	8.923.994.871
- Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết của Chính phủ	-	2.040.642.766
Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.528.463.763	27.679.648.509
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	14.495.269.717	27.679.648.509
- Chi phí thuế TNDN năm trước điều chỉnh trong năm nay	33.194.046	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(981.439.869)	(1.049.406.053)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	91.029.328.547	170.803.344.904
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	39.074.305.865	67.460.751.654
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	51.955.022.682	103.342.593.250

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	51.955.022.682	103.342.593.250
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm LN kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu Cổ phiếu phổ thông	51.955.022.682	103.342.593.250
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	52.287.186	41.144.015
Lãi cơ bản trên Cổ phiếu	993,65	2.511,73

32. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.909.449.444	529.509.219.334
Chi phí nhân công	51.785.231.742	66.644.808.832
Chi phí khấu hao TSCĐ	58.050.334.688	91.723.186.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.092.153.009	36.998.825.927
Chi phí khác bằng tiền	83.587.349.563	107.612.187.285
Loại trừ trong hợp nhất	(91.565.029.571)	(69.705.655.934)
Cộng	153.859.488.875	762.782.571.731

33. Công cụ tài chính

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay và nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Giá trị ghi sổ của các nợ vay, nợ khác có gốc ngoại tệ như sau:

		31/12/2013	31/12/2012
Tài sản tài chính		202,33	201,79
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	202,33	201,79
Nợ tài chính		582.621	693.597
Vay và nợ ngắn hạn	USD	110.976	110.976
Vay và nợ dài hạn	USD	471.645	582.621

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Phải thu khách hàng

Khách hàng bán điện của Công ty là Tổng Công ty Điện lực Miền Trung và bán lẻ điện tại địa phương với tỷ trọng nhỏ. Với đặc thù kinh doanh mua bán điện tại Việt Nam, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Khách hàng hoạt động xây lắp chủ yếu là Ban quản lý các Công trình thủy điện và các Ban quản lý điện khu vực với nguồn vốn thanh toán tương đối ổn định. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty có ít rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Khách hàng bán đường được quản lý rủi ro tín dụng dựa vào các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng.

Đầu tư tài chính

Các khoản tiền gửi ngân hàng được giao dịch tại các ngân hàng lớn và có bảo hiểm tiền gửi. Do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với các khoản tiền gửi ngân hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát

các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính:
VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	196.111.991.083	508.238.424.422	704.350.415.505
Chi phí phải trả	8.697.683.849	-	8.697.683.849
Phải trả người bán	11.455.971.181	259.770.187	11.715.741.368
Phải trả khác	42.715.620.478	-	42.715.620.478
Cộng	258.981.266.591	508.498.194.609	767.479.461.200
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Các khoản vay và nợ	64.798.908.128	418.089.329.715	482.888.237.843
Chi phí phải trả	6.384.820.763	-	6.384.820.763
Phải trả người bán	7.381.383.501	-	7.381.383.501
Phải trả khác	26.725.852.078	-	26.725.852.078
Cộng	105.290.964.470	418.089.329.715	523.380.294.185

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro về tính thanh khoản. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền để đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2013	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.088.149.045	-	30.088.149.045
Phải thu khách hàng	45.953.545.535	-	45.953.545.535
Phải thu khác	5.195.734.960	-	5.195.734.960
Đầu tư tài chính	255.416.949.282	3.670.483.756	259.087.433.038
Tài sản tài chính khác	158.660.000	1.818.000.000	1.976.660.000
Cộng	336.813.038.822	5.488.483.756	342.301.522.578
31/12/2012	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.565.829.591	-	105.565.829.591
Phải thu khách hàng	32.570.618.738	119.485.996	32.690.104.734
Phải thu khác	2.285.243.763	-	2.285.243.763
Đầu tư tài chính	262.237.360.283	14.200.483.756	276.437.844.039
Tài sản tài chính khác	15.300.000	-	15.300.000
Cộng	402.659.052.375	14.319.969.752	416.994.322.127

34. Các bên liên quan**a. Thông tin về các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai	Công ty liên kết

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

Công ty liên quan	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ, trả lãi vay		
Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai		
- Vay ngắn hạn	117.000.000.000	-
- Trả lãi đi vay	1.703.111.109	-
- Tiền nước uống	2.318.182	-
- Cổ tức đã trả	1.720.989.000	-
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công		
- Vay ngắn hạn	19.000.000.000	170.000.000.000
- Trả lãi đi vay	1.946.319.448	5.074.999.999
- Cung cấp dịch vụ tư vấn	1.472.000.000	-
- Mua xe Ô tô	-	500.000.000
Bán hàng, cung cấp dịch vụ, thu lãi vay		
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai		
- Cài tạo hạ tầng SEC	-	2.577.773.240
- Bồn chứa mật rỉ	-	1.814.725.704
- Hệ thống chiếu sáng SEC	-	802.062.666
- Lắp đặt hệ thống trạm bơm SEC	-	1.043.322.688
- Tư vấn chi phí tránh được NM SEC	-	1.575.000.000
- Cung cấp, lắp đặt TB Trạm bơm SEC	203.415.693	-
- Thi công xây lắp kho đường 10.000 tấn Cty SEC	5.194.961.732	-
- Các công trình XD CB khác	-	480.524.571
- Lãi cho vay	990.000.001	707.250.000
- Cổ tức nhận được	4.172.160.200	28.144.785.000
- Cho vay ngắn hạn	65.000.000.000	-

c. Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2013

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện	Phải thu khách hàng	631.541.427	451.055.578
	Người mua trả tiền trước	140.000.000	123.703.513
	Vay ngắn hạn	42.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Phải trả người bán	1.544.400.000	-

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều

chính hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

36. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi AAC.

37. Báo cáo Tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2013 được đăng tải đầy đủ trên website:
<http://www.geccom.vn>

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Thái Văn Chuyền